

Phần III

Theo Dấu Chân Thánh Phaolô

❖ *Nước Syrie*

❖ *Nước Thổ Nhĩ Kỳ*

❖ *Đảo Chypre*

❖ *Nước Hy Lạp*

❖ *Nước Ítraen*

❖ *Đảo Malte và Sicile*

❖ *Nước Ý*

NƯỚC SYRIE

Thời thánh Phaolô, xứ Syrie được gọi tỉnh Syrie thuộc đế quốc La Mã, tương ứng phần lớn với nước Syrie hiện tại. Thánh Phaolô không đến truyền giáo nơi đây, nhưng tỉnh Syrie đã đón nhận Tin mừng ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên, và cũng là nơi thánh Phaolô nhận được ơn trở lại (biến cố trên đường Đamát). Sau thánh Phaolô, tỉnh Syrie trở thành một trong những nôi Kitô giáo, và ngày nay vẫn còn được coi quan trọng đối với Kitô giáo Đông phương.

Thành Đamát

Thời thánh Phaolô, thành Đamát đẹp với bức tường dài 7km, sống về những vườn rau kế cận; có những con kênh, và đón nhận những đoàn xe hàng về từ Ai Cập, Lưỡng Hà địa hay xứ Arabie. Người La Mã khi chiếm thành Đamát đã tân trang từ năm 64 trước công nguyên. Họ dựng một đền đài kính thần Jupiter thay vào nơi thờ thần Hadad của người Syrie. Hêrôđê đại đế nắm quyền nhưng còn dưới quyền Rôma kiểm soát cũng đã cho xây cất trong thành Đamát với một sân vận động và một hí viện. Nơi đây cũng có một cộng đoàn Do Thái. Trong sách Công vụ các tông đồ có nói đến những hội đường tại thành Đamát (9,2). Người Do Thái chung sống với người dân Ba Tư và người Nabatêen (Ả rập xứ Jordanie). Khoảng năm 65 công nguyên tức khoảng chừng 30 năm sau khi thánh Phaolô ghé qua, 10.500 người Do Thái tại thành Đamát bị giết được sử gia Do Thái Flavius Josèphe ghi lại và cho như mầm mống cuộc chiến Do Thái năm 67-73. Ông còn cho biết những người đàn bà ngoại giáo trở thành những người “kính sợ Thiên Chúa” hay Do Thái giáo.

Thánh Phaolô tại thành Đamát

Theo thư gửi Galát 1,15-17, thánh Phaolô đến thành Đamát hai lần. Lần thứ nhất khi đi về thành Đamát để bắt bớ Kitô hữu, thánh nhân đã được ơn trở lại. Tác giả Luca nói đến biến cố tất cả ba lần. Theo Công vụ tông đồ, một kitô hữu tên Ananias đã giảng dạy đức tin mới cho thánh Phaolô. Tại Đamát cũng có những hội đường Do Thái, và thánh Phaolô cũng đến gặp gỡ làm quen với những người đang muốn gia nhập Kitô giáo...

Thánh nhân cho biết sau khi gặp Chúa Kitô trên đường Đamát vào khoảng năm 35, đã đi về xứ Arabie, rồi sau đó trở lại thành Đamát. Theo thư Phaolô, có lẽ thánh nhân trở lại Đamát để giúp đỡ những anh em khác trong đức tin mới nhận được. Thánh Phaolô trốn tránh vua Arétas (2Cr 11,32-33) nên được giúp đỡ trốn thoát ra khỏi tường thành Đamát trong một cái thúng. Các nhà chuyên môn coi như câu chuyện được thêm vào chứ không có thật. Dầu sao, chính thánh nhân ghi lại nên cứ nhận như đã có xảy ra. Ngoài ra, vua người Nabatêen, Aretas IV được thánh nhân nói đến không trị vì vào lúc đó. Nhưng có thể một nhân vật đại diện cho ông. Dầu sao câu chuyện nói lên thánh Phaolô đã gây xáo trộn với lời giảng dạy trong nhóm người Nabatêen. Tác giả Luca cho người Do Thái có trách nhiệm trong vụ này, nhưng cần biết Luca viết câu chuyện sau này lúc có sự rạn nứt giữa người Do Thái với Kitô hữu. Vua Arétas qua đời năm 39, vì thế câu chuyện xảy ra trước năm đó. Thánh nhân không bao giờ trở lại thành Đamát nữa. Sứ vụ giờ đây đưa ngài đi đến các quốc gia khác.

Những điểm thăm viếng

- **Nguyện đường thánh Ananias:** Nhà nguyện tầng hầm ở ngay trên đường Hananya, trong xóm Kitô giáo thuộc Đamát cổ.

Nơi đây có vết tích hai phòng một ngôi nhà thời cổ đại ở thế kỷ thứ I theo các nhà khảo cổ đưa ra vào năm 1920. Theo truyền thống, ngôi nhà ông Giuđa, nơi ông Ananias làm phép rửa cho Phaolô. Tại đây trước đó có một thánh đường Byzantine³ xây cất vào thế kỷ V. Thánh đường bị phá hủy vào thế kỷ thứ XV nhưng còn giữ lại được vài lưu niệm.

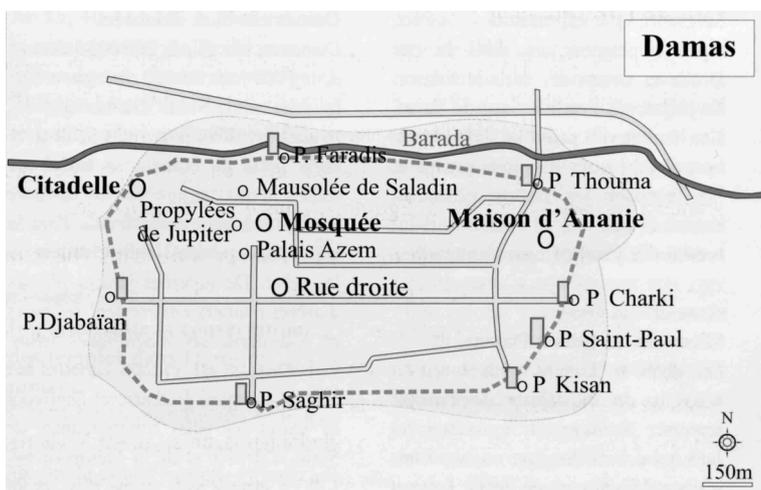
- **La rue Droite (con đường Thẳng):** con đường do người Hy Lạp làm nên, và được người La Mã lấy lại chứng nhận họa đồ phố cổ theo bàn cờ (ô vuông). Ngày nay khó thấy rõ được. Dài 1500m, đường via Recta là trục chính (cardo maximus) chạy dài từ đông sang tây. Thánh Luca ghi nơi Phaolô cư ngụ: “Đứng lên, đi tới phố gọi là Phố Thẳng, đến nhà Giuđa tìm một người tên là Saolô quê ở Tácxô: người ấy đang cầu nguyện” (Cv 9,11). Ngày nay con đường trở thành chợ souk Midhat Pacha kéo dài tới souk Al Tawil.

- **Bab Kissan:** truyền thống khách hành hương từ thế kỷ thứ XIII cho cửa phía đông nam bức tường thành Đamát nơi thánh Phaolô được đưa đi trốn thoát. Vài trăm thước sau bức tường cổ, có nguyện đường thánh Phaolô tưởng niệm đến biến cố khá hy hữu trong cuộc đời thánh nhân. Nguyện đường xây cất năm 1939, nhưng có trong đó những viên đá đến từ cửa Bab Kissan. Lỗi kiến

³ Đế quốc Byzantine còn được gọi đế quốc La Mã miền Đông là một đế quốc được tồn tại cả ngàn năm: từ năm 395 khi hoàng đế Théodose I qua đời và chia đế quốc La Mã ra làm hai cho hai người con, và kéo cho tới năm 1453 khi thành Constantinople bị đế quốc Ottaman xâm chiếm. Từ “Byzantine” đến từ Byzance là tên của thủ đô đế quốc, được đổi thành Constantinople từ năm 330 và ngày nay là thành phố Istanbul. Có thể nói thời hoàng kim của Byzantine là dưới thời các hoàng đế Justinien (thế kỷ thứ VI) và Basiliô II (thế kỷ thứ XI), đế quốc Byzantine còn bao trùm cả vùng Balkan (Nam Âu châu).

trúc khá khắc khổ với hai tháp viền quanh một cửa sổ hư cấu gợi nhớ biển cổ.

- **Đường Đamát:** Vào thời đại Byzantine, người ta đã đi tìm lại những nơi thánh, vì thế họ cũng gắng nhận diện nơi thánh Phaolô gặp Chúa Kitô. Vì các văn bản không nói rõ ràng, nên có nhiều nơi được truyền thống nêu lên. Thời Byzantine một tu viện được xây cất gần Đamát. Đến thời Trung cổ, người ta nhận diện ra tại Kaukab, cách thành phố 15km phía tây nam.



- **Tu viện thánh Thècle ở Maloula:** Thánh Thècle chỉ được biết đến trong văn chương ngụ thư, nhưng tại Đông phương khuôn mặt thánh nhân được tôn kính. Tại làng Kitô giáo Maloula, ở độ cao 1650m tại núi Qalamoun, cách thành Đamát 45km, có tu viện thánh Thècle (Mar Taqla), theo nghi thức Chính Thống giáo. Tu viện trông nom hang động nơi thánh nhân làm cho dòng nước tuôn ra để uống nước. Theo truyền thống, nữ thánh nhân sau khi đi rao giảng với thánh Phaolô và thoát khỏi tử đạo, bà đã về ở tại hang

động trên. Binh lính La Mã đuổi theo bà, núi đã chẻ ra làm đôi cho nữ thánh chạy vào trốn trong đó. Hang động nhỏ hẹp nằm trên ngôi làng vẫn còn được khách hành hương viếng thăm.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 22,1-16

“Thưa quý vị là những bậc cha anh, xin nghe những lời biện bạch tôi nói với quý vị bây giờ đây.” Khi nghe thấy ông nói với họ bằng tiếng Hípri, họ càng yên lặng hơn. Ông nói tiếp: “Tôi là người Do Thái, sinh ở Tácxô miền Kilikia, nhưng tôi đã được nuôi dưỡng tại thành này; dưới chân ông Gamaliên, tôi đã được giáo dục để giữ Luật cha ông một cách nghiêm ngặt. Tôi cũng đã nhiệt thành phục vụ Thiên Chúa như tất cả các ông hiện nay. Tôi đã bắt bớ Đạo này, không ngần ngại giết kẻ theo Đạo, đã đóng xiềng và tống ngục cả đàn ông lẫn đàn bà, như cả vị thượng tế lẫn toàn thể hội đồng kỳ mục có thể làm chứng cho tôi. Tôi còn được các vị ấy cho thư giới thiệu với anh em ở Đamát, và tôi đi để bắt trói những người ở đó, giải về Giêrusalem trừng trị.

“Đang khi tôi đi đường và đến gần Đamát, thì vào khoảng trưa, bỗng nhiên có một luồng ánh sáng chói lọi từ trời chiếu xuống bao phủ lấy tôi. Tôi ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với tôi: “Saun, Saun, tại sao ngươi bắt bớ Ta?” Tôi đáp: “Thưa Ngài, Ngài là ai? Người nói với tôi: “Ta là Giêsu Nadarét mà ngươi đang bắt bớ. Những người cùng đi với tôi trông thấy có ánh sáng, nhưng không nghe thấy tiếng Đấng đang nói với tôi. Tôi nói: “Lạy Chúa, con phải làm gì? Chúa bảo tôi: “Hãy đứng dậy, đi vào Đamát, ở đó người ta sẽ nói cho anh biết tất cả những gì Thiên Chúa đã chỉ định cho anh phải làm. Vì ánh sáng chói loà kia làm

cho tôi không còn trông thấy nữa, nên tôi đã được các bạn đồng hành cầm tay dắt vào Đamát.

“Ở đó, có ông Khanania, một người sùng đạo, sống theo Lê Luật và được mọi người Do Thái ở Đamát chứng nhận là tốt. Ông đến, đứng bên tôi và nói: “Anh Saun, anh thấy lại đi! Ngay lúc đó, tôi thấy lại được và nhìn ông. Ông nói: “Thiên Chúa của cha ông chúng ta đã chọn anh để anh được biết ý muốn của Người, được thấy Đấng Công Chính và nghe tiếng từ miệng Đấng ấy phán ra. Quả vậy, anh sẽ làm chứng nhân cho Đấng ấy trước mặt mọi người về các điều anh đã thấy và đã nghe. Vậy bây giờ anh còn chần chừ gì nữa? Anh hãy đứng lên, chịu phép rửa và thanh tẩy mình cho sạch tội lỗi, miệng kêu cầu danh Người.

NƯỚC THỔ NHĨ KỲ

Nước Thổ Nhĩ kỳ bây giờ thuộc xứ Anatolie bị Hy Lạp hóa từ thế kỷ thứ V trước công nguyên khi nhiều đoàn người Hy Lạp đến cư ngụ, nhưng có nhiều sắc dân khác nữa. Xứ Anatolie bị chia ra dưới đế quốc La Mã thành những tỉnh khác nhau như: Tiểu Á phía tây, miền Bithynie, Galát, miền Pont phía bắc, miền Pisidie, miền Lyocanie và miền trung Cappodoce, miền Lycie, miền Pamphylie và miền nam Kilikia. Tất cả miền nêu trên sau này thuộc đế quốc Byzantine, rồi đến đế quốc Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ)⁴. Tất cả miền đó kết thành ngày nay xứ Thổ Nhĩ Kỳ. Những thành phố được thánh Phaolô nêu lên rất nhiều, nhưng quan trọng nhất phải nói đến thành Êphêxô.

Thành Êphêxô (ngày nay Selçuk)

Êphêxô một kinh thành Hy Lạp nằm trên miền Tiểu Á trải dài theo bờ biển, và được bao bọc với hai ngọn núi. Từ thế kỷ thứ VII trước công nguyên, thành Êphêxô đã nổi danh về thương mại, ngân hàng và tôn giáo thuộc miền Á châu. Êphêxô lại vào tay người La Mã vào năm 129 trước công nguyên. Tới đầu thế kỷ thứ I công nguyên thành Êphêxô trở nên một trong những kinh thành lớn miền Đông phương, chỉ đứng sau thành Antiôchia sur Oronte và thành Alexandria bên Ai Cập. Kinh thành có khoảng 250.000 dân cư, và

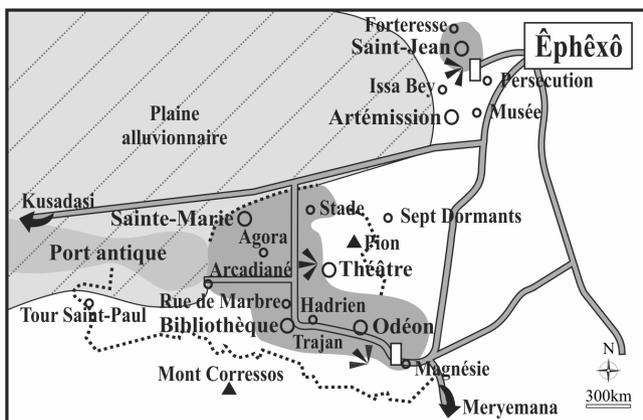
⁴ Đế quốc Ottoman khai sinh từ thế kỷ thứ XV khi đế quốc Byzantine tàn lụi. Hai thế kỷ sau, đất đế quốc Ottoman trải dài từ Địa Trung Hải tới Hắc Hải. Nền văn minh mang nét hài hòa giữa các tôn giáo và văn hóa khác nhau, coi như một trong những nền văn minh quan trọng trên thế giới. Sau thời đại hưng thịnh với hoàng đế Soliman, đế quốc gặp nhiều khó khăn trong nội địa, suy yếu dần với vấn đề Đông phương do ngoại giao Âu châu nêu lên. Đế quốc Ottoman hoàn toàn biến mất sau Đệ nhất Thế chiến đầu thế kỷ thứ XX.

luôn giữ vẻ huy hoàng một kinh thành Hy Lạp, và kinh tế với văn hóa phát triển mạnh mẽ. Dưới triều hoàng đế Hadrien, vào năm 133 công nguyên, thành Êphêxô trở nên thủ đô đế quốc La Mã tại miền Á châu. Những khách hành hương đến đền Artémision rất đông. Thành phố phát triển với những đền đài, tiệm buôn, những ngôi nhà được chạm trổ lộng lẫy, cũng như thư viện Celsius nổi tiếng. Người ta tái thiết lại những đền đài trong thung lũng núi Pion và Coressos, cũng như trong khu vực bến cảng.

Vào thế kỷ thứ III, đế quốc La Mã bắt đầu suy vong, đền Artémision bị cướp phá vào năm 263. Năm 431, tại vương cung thánh đường “Sainte Marie”, hoàng đế Théodose triệu tập công đồng kết án thuyết ông Nestorius và công bố Đức Maria “Théotokos = Mẹ Thiên Chúa”. Sau đó thành Êphêxô cũng bắt đầu đi vào quên lãng, và chỉ trở lại thịnh vượng ở thế kỷ thứ XV, rồi lại bị chìm đắm như ngủ quên đến thế kỷ XX.

Ngày nay, một số đền đài được các nhà khảo cổ tái khám phá ra: via Arcadiané, hí viện chứa 20.000 ngàn người; con đường đá hoa cương; thư viện Celsius và đền thờ Hadrien (117-138); những dinh thự thành phố, nhà hát ca nhạc 500 chỗ; những nguồn mạch nước và những quang trường...

Thánh Phaolô tại thành Êphêxô



Thánh Phaolô đến Êphêxô như điều hiển nhiên. Một kinh thành với địa lý trung tâm dễ dàng cho việc di chuyển cũng như khoảng cách cây số cũng đều nhau cho những cộng đoàn do thánh nhân thành lập: từ 400 đến 450km đến thành Galát, thành Thêxalônica, thành Philipphê, và thành Antiôchia Pisidie chỉ cách khoảng 330km.

Tại đây, thánh Phaolô gặp một cộng đoàn Do Thái quan trọng, và cũng có một số đệ tử của thánh Gioan Tẩy Giả. Thánh Phaolô ở Êphêxô một thời gian ngắn vào giai đoạn cuối cuộc hành trình thứ hai (54-57), và trong cuộc hành trình thứ ba. Ngài giảng dạy tại Tyrannos và củng cố cộng đoàn. Sau khi các ông thợ bạc nổi dậy, Phaolô rời Êphêxô và đi về miền Makêđônia và Hy Lạp.

Những điểm thăm viếng

- **Thiên lộ:** thánh Phaolô không được thấy những công trình như khách hành hương thấy ngày nay, vì tất cả đều được xây cất vào thế kỷ thứ II và thứ III. Con đường ngày nay mang tên “rue des Courettes” đã có từ thời thánh Phaolô, vì lấy lại một đoạn Lộ thiêng - Embellos - đi từ đến Artémis phía đông, vòng qua núi Coresso (Bulbul) và dẫn đến trung tâm thành phố, chợ và bến cảng. Thời Cổ đại, biển vào tới thành phố. Trên Lộ thiêng có nhiều đền đài, giếng nước, phòng họp Hội đồng và những vết tích những dinh thự công cộng được khảo cổ học đào xới lên. Chung quanh, kinh thành được trải dài theo bản đồ chia thành những khu xóm theo phong cách người Hy Lạp. Phía trái khi đi xuống, một khu xóm với nhiều nhà đẹp trên ba cấp.

- **Thư viện Celsius:** Công trình mọi người đều thấy được để tưởng nhớ quan thái thú của tỉnh, ông Celsius. Thư viện do con ông xây cất vào năm 110 công nguyên. Một trong những thư viện

lớn thời Cổ đại có thể chứa 12.000 cuốn văn bản. Thư viện được các nhà khảo cổ người Áo tái tạo vào năm 1978.

- **Tượng nữ thần Artémis:** Bức tượng thấy tại bảo tàng viện Selçuk ngày nay không phải bức tượng nguyên thủy tại đền Artémis thời bấy giờ. Hiện nay vùng đó đầy đá trôi lên từ đầm lầy. Bức tượng hiện nay chỉ là bản chép khá trung thực theo bản nguyên thủy hồi thế kỷ thứ I công nguyên. Nữ thần Artémis thuộc Đông phương, cô hơn thần Artémis người Hy Lạp, con thần Zeus với thần Léto. Đúng hơn một thần mẹ coi phi nhiều trái đất và tái tạo mùa xuân, và chăm nom mặt trời. Phụng tự thần Artémis đã có từ lâu. Những nghiên cứu khảo cổ cho biết từ thế kỷ thứ VIII, nữ thần đã được ở trong một đền được tân trang vào thế kỷ thứ VI bởi vua xứ Lydie tên Crésus.

Ngôi đền bị thiêu hủy vào năm 365 trước công nguyên, và được thay vào một đền khác rất đẹp, đến nỗi người Hy Lạp đặt vào một trong “bảy kỳ quan thế giới”. Phụng tự Artémis được nhiều người thực hành. Ba thế kỷ sau khi Kitô giáo bành trướng, các Giáo phụ đều lên tiếng chống lại hình ảnh thần Artémis, và đền thờ nữ thần bị tàn phá. Những đá hoa cương của đền thờ được lấy xây dựng vương cung thánh đường thánh Gioan tại Êphêxô, cũng như thánh đường thánh Sophie tại thành Constantinople.

- **Hí viện:** dựa vào núi Pion với một kiến trúc độc đáo, và sắp hoàn tất khi thánh Phaolô đi qua đó. Hí viện có 24.000 chỗ ngồi lên tầm quan trọng của kinh thành cũng như trên phương diện văn hóa. Chính tại đây thánh Luca nói đến cuộc nổi dậy của các ông thợ bạc chấm dứt.

- **Hang động thánh Phaolô:** thánh Phaolô không để lại dấu tích gì tại Êphêxô. Ngay cả hội đường nơi ngài đến rao giảng lần

đầu cũng chưa tìm ra. Từ thế kỷ thứ VI, kỷ niệm về thánh nhân được nhắc đến: một hang động ở triền núi Bulbul, gần nghĩa trang lớn, mang những hình vẽ thuật lại một giai đoạn trong đời thánh Phaolô ghi trong các nguy thư: thánh Thècle được ơn trở lại.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 19,23-40

Vào thời kỳ ấy, xảy ra một vụ rối loạn khá trầm trọng liên quan đến Đạo. Số là có một người thợ bạc tên là Đêmetriô, chuyên làm mô hình đền nữ thần Áctêmi bằng bạc, và nhờ đó đem lại cho các người thợ một nguồn lợi không nhỏ. Ông ta tập hợp họ và những người làm nghề tương tự, và nói: “Thưa các bạn, các bạn thừa biết là nhờ việc làm ăn này mà chúng ta phát tài. Thế mà, như các bạn thấy và nghe biết: không những ở Êphêxô này, mà gần như trong khắp cả Axia, tên Phaolô ấy đã thuyết phục và làm cho một đám đông đáng kể thay lòng đổi dạ, khi hắn nói rằng thần linh do tay người làm ra không phải là thần. Như vậy, có nguy cơ là không những ngành nghề của chúng ta bị chệch bại, mà cả đền thờ đại nữ thần Áctêmi cũng bị người ta coi chẳng ra gì, và rút cuộc vị nữ thần mà toàn Axia và cả thiên hạ tôn thờ cũng chẳng còn gì là vĩ đại nữa.” Nghe nói thế, họ đầy lòng căm phẫn và hét lên: “Vĩ đại thay, thần Áctêmi của người Êphêxô! “Cả thành đây hỗn loạn, người ta ùn ùn kéo đến hí trường, lời theo ông Gaiô và ông Arítakhô là những người Makêđônia, bạn đồng hành của ông Phaolô. Ông Phaolô muốn ra trước đại hội toàn dân, nhưng các môn đệ không cho. Có mấy vị chức sắc tỉnh Axia, là bạn của ông Phaolô, cũng sai người đến khuyên ông đừng liều mình đến hí trường.

Dân chúng hò la, kẻ thế này, người thế nọ, đại hội trở nên hỗn loạn và phần đông không biết mình họp nhau để làm gì. Trong đám đông, có những người nói rõ sự thế cho ông Alêxandê biết, vì người Do Thái đã đưa ông ra. Ông Alêxandê giơ tay làm hiệu tỏ ý muốn thanh minh với đại hội toàn dân. Nhưng khi nhận ra ông là người Do Thái, thì tất cả mọi người đồng thanh hò hét suốt gần hai tiếng đồng hồ: “Vĩ đại thay, thần Áctêmi của người Êphêxô!” Sau cùng, viên thư ký thành phố trấn an đám đông, ông nói: “Thưa đồng bào Êphêxô, có ai trong loài người lại không biết rằng thành Êphêxô được coi sóc đền thần Áctêmi vĩ đại và giữ pho tượng của người từ trời rơi xuống? Điều đó hẳn không ai chối cãi được, vậy đồng bào hãy bình tĩnh và đừng làm gì hấp tấp. Đồng bào đã đưa những người này tới đây: họ không phạm thánh cũng chẳng nói lộng ngôn chống nữ thần của chúng ta. Vậy nếu ông Đêmétριô và các thợ cùng đi với ông có điều gì kiện cáo ai, thì đã có các phiên toà, các thống đốc: họ cứ việc đưa nhau ra toà! Ngoài ra, nếu đồng bào còn điều gì khác muốn yêu cầu, thì đại hội hợp pháp sẽ giải quyết. Quả thế, điều xảy ra hôm nay có nguy cơ làm chúng ta bị tố cáo về tội nổi loạn, vì không có lý do nào để chúng ta có thể biện minh việc tụ họp này.” Nói thế rồi, ông giải tán đại hội.

Sau thánh Phaolô truyền thống Kitô rất mạnh

- **Hai nhà thờ họp Công đồng:** Giữa nhà hát và hải cảng, lấy con đường ít được khách du lịch biết đến: con đường vòm. Đằng sau dãy dương liễu, có một khoảng đất trống, và trên đó có vết tích hai ngôi thánh đường dâng kính Đức Trinh Nữ. Một thánh đường đến từ thế kỷ thứ V, và thánh đường khác đối diện được xây cất sau đó. Tại đây vào năm 431 có Công đồng Êphêxô công bố Đức Maria làng Nazareth “Theotokos” (Mẹ Thiên Chúa chống

lại thuyết ông Nestorius. Ông từ chối cho Thiên Chúa được sinh ra từ một phụ nữ.

- **Nhà Đức Maria (Meryemana):** Đến thế kỷ thứ I, theo truyền thống, thánh Gioan sau khi ở đảo Patmos viết cuốn sách Khải huyền, đã đưa Đức Maria về Êphêxô, ở nơi ngày nay gọi “Méryemana = nhà Đức Maria”, tại ngọn đồi Bulbul-Dag (đồi chim sơn ca). Đức Maria qua đời tại nơi đây.

- **Vương cung thánh đường thánh Gioan:** Thế kỷ thứ VI, thành Êphêxô xuống dốc, vì hải cảng bị cát lấp dần. Một thành mới mang tên Selçuk được phát triển ở trên cao, chung quanh vương cung thánh đường thánh Gioan. Thánh đường được xây cất theo truyền thống trên ngôi mộ thánh Gioan, mang sáu vòm rất đẹp chịu ảnh hưởng nghệ thuật Rôman⁵ Tây phương.

- **Hang động Bảy người ngủ:** Thánh điện trên vách đá chứa một loạt thánh đường được xây cất trên nghĩa trang Kitô giáo liên kết với cuộc hành hương. Thật vậy, theo truyền thuyết “bảy người ngủ”: Theo đó có bảy thanh niên công giáo bị bách hại dưới thời hoàng đế Dèce (248-251) đã tìm vào trốn trong hang động. Họ không ra được và đã ngủ tại đó cho đến triều đại hoàng đế

⁵ Nghệ thuật Rôman được khai sinh tại Tây phương kéo dài cho tới cuối thế kỷ thứ XII. Một nghệ thuật tôn giáo với những hình thức khác nhau trên toàn cõi Âu châu. Vào khoảng năm 1000, Kitô giáo tại Âu châu bước vào kỷ nguyên mới phồn thịnh sau khi bị người Hung Gia Lợi, người Sarrazins và người Normand đánh chiếm. Yếu tố cá biệt trong cách dùng đá làm những vòm bán nguyệt, hay vòm gờ mái nhà. Những bức tường đều mang tranh tường kể lịch sử Kitô giáo, Những cột được chạm trổ. Ô trần chế ngự cửa ra vào cũng được trang trí. Điêu khắc và hội họa Rôman kết thành nghệ thuật Rôman. Những thánh đường, tu viện xây cất theo nghệ thuật rất nhiều tại Âu châu, có thể nêu lên vài ví dụ trong nước Pháp như: tu viện Cluny, Vương cung thánh đường de Paray-le-Monial, tu viện Cîteaux.

Théodose (347-395) lúc Kitô giáo toàn thắng. Sau đó họ được chôn cất tại hang động.

Thành Antiôkhia sur Oronte (còn gọi Antiôkhia xứ Syrie)

Ngày nay mang tên Antakya. Thành nằm cách biên giới xứ Syrie khoảng 50km. Dòng sông Oronte (tiếng Thổ = Asi) nối liền biển với cảng Séleucie miền Piérie nơi thánh Phaolô lấy thuyền cho cuộc hành trình. Thành phố được tướng Séleucos I (một viên tướng của hoàng đế Alexandre) xây dựng vào năm 301 trước công nguyên. Đứng vào hàng thứ hai tại Đông phương và cạnh tranh với thành Alexandria (Ai Cập). Antiôkhia có dân số lên đến 500.000 người. Năm 64 trước công nguyên, tướng Pompée nâng lên thành thủ đô miền Syrie. Giống như những thành phố lớn của người Hy Lạp, rồi đến La Mã, Antiôkhia có trường đua, giảng đường có bậc, nhà tắm công cộng, v.v...; những đền đài Jupiter và Bacchus. Đền Apollon tại Daphni (ngày nay Harbiyé) cách thành Antiôkhia vài cây số.

Thánh Phaolô tại thành Antiôkhia

Thời thánh Phaolô đã có một cộng đoàn Do Thái tại thành Antiôkhia. Khi đọc Công vụ các tông đồ, biết rằng một trong những cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên ngoài Palestine cũng đã có mặt tại nơi đây. Tác giả Luca nói có những thừa sai đến từ đảo Chypre, Phénicie và Cyrénaïque (Cv 11,19-21). Điều lạ vì thành Antiôkhia rất gần lại được những người Do Thái Hy hóa đến từ xa. Đối với các nhà chuyên môn, chính điểm khác lạ đó mang dấu chỉ lịch sử tính. Ngoài ra mối liên hệ giữa Giêrusalem với những miền rất mạnh. Trong một thế người ta di chuyển nhiều, vì thế mới có người Do Thái gốc Cyrénaïque (xứ Lybie), trở thành Kitô hữu

miền Giuđê, và sau đó đi đến thành Antiôkhia như nơi truyền giáo Kitô giáo.

Chính tại thành Antiôkhia, người ta cho nhóm người thoát ra từ Do Thái giáo tên “Kitô hữu” đến nguyên ngữ Hy Lạp “Christos = Mêsia”. Ngay từ ban đầu, những Kitô hữu rao giảng cho người ngoại giáo đang hướng theo Do Thái giáo, cũng như những người Do Thái. Khi họ được các tông đồ nhìn nhận tại Giêrusalem như thành phần Giáo hội. Thánh Phaolô đã hiện diện ở giữa nhóm kể trên. Vì thế có thể thần học mở rộng cho dân ngoại của thánh Phaolô có thể đến từ lúc ngài ở thành Antiôkhia. Thánh nhân ở lại đây nhiều năm. Ông Banaba, một khuôn mặt chính có trách nhiệm trong cộng đoàn Kitô hữu tại Antiôkhia được coi như người bảo vệ thánh Phaolô. Ông đã bênh vực thánh nhân trước nhóm Mười Hai, và đi tìm thánh Phaolô từ thành Tácxô để đi đến thành Antiôkhia và Chypre.

Thành Antiôkhia trở thành “căn cứ” cho thánh Phaolô thực hiện những hành trình truyền giáo. Tại đây xảy ra câu chuyện giữa thánh Phêrô và thánh Phaolô về vấn đề bữa tiệc Thiên Chúa giữa nhóm người Kitô hữu gốc Do Thái và những Kitô hữu gốc dân ngoại. Thánh Phaolô rời thành Antiôkhia vào năm 53 và không bao giờ trở lại.

Những nơi thăm viếng

- **Hang động thánh Phêrô:** Vào thế kỷ thứ XI, đoàn quân Thập Tự chinh đến thành Antiôkhia và xây cất một pháo đài vững chắc. Họ nhận diện một hang động được coi như thánh đường đầu tiên của Kitô hữu nơi khi bị bách hại có thể chạy trốn qua một đường hầm. Mặt tiền theo kiến trúc “gothique = gô tích”⁶ ở thế kỷ

⁶ Thời nghệ thuật gothique kéo dài từ thế kỷ thứ XV đến thời Phục Hưng (thế kỷ thứ XIV). Hình thức kiến trúc nghệ thuật gothique mang sắc thái

thứ XII, mở vào những nhà nguyện khoét trong đá. Theo truyền thống những nguyện đường được các môn đệ thánh Phêrô và thánh Phaolô đào sâu trong đá. Phía trước có một lầu chòi được thiết kế cho khách hành hương nhìn xuống thành phố.

- **Thánh đường thánh Phêrô và thánh Phaolô:** được mở cửa một cách kín đáo từ năm 1977 trong trung tâm thành phố, nơi phố cũ của người Do Thái. Hai ngôi nhà cổ được tân trang qui lại với một cái sân được một gia đình Chính Thống giáo giàu có dâng biếu. Thánh đường qui tụ hơn chục gia đình Công giáo, và đôi khi cả trăm người Chính Thống giáo để cử hành thánh lễ chung bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Khi đế quốc Ottaman cho phép các cộng đoàn Kitô hữu và Do Thái giữ đạo của họ, bây giờ chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ từ năm 1920 kiểm soát gắt gao tất cả những ai không thuộc Hồi giáo. Năm 1923, người Hy Lạp đã bỏ đi hay bị bách hại, và người Ácmeni bị bách hại tàn khốc vào năm 1915. Từ năm 1950, người Hy Lạp và người Do Thái tiếp tục bỏ đi và các thành phố lớn mất đi tính cách thành phố với người tứ xứ.

Thánh đường thánh Phêrô và thánh Phaolô giờ đây chỉ được khách hành hương thăm viếng nhiều để tìm lại những nguồn gốc

hình cung nhọn ở vòm. Kiến trúc gothique chú trọng tới từng chi tiết dù là nhỏ nhất, vẻ đẹp thoát ra từ từng góc cạnh, từng đường nét. Kiến trúc gothique nhấn mạnh vào các chi tiết chạy dọc công trình cùng sự tương tác với ánh sáng. Tu viện trưởng Suger đưa nghệ thuật gothique vào Tây phương từ năm 1144 khi cho tân trang tu viện thánh Denis. Một vài thánh đường nổi tiếng theo nghệ thuật gothique như Thánh đường “Notre Dame de Paris = Đức Bà Paris”, xây cất năm 1163, cao 35m và dài 128m; được xây dựng từ năm 1163-1345. Đây là một trong những công trình nhà thờ mang kiến trúc gothique nổi tiếng nhất ở Pháp - cái nôi của phong cách kiến trúc gothique. Ngoài ra tại Pháp còn có Nhà thờ Chánh tòa Strasbourg xây cất từ năm 1190 đến 1439, cao 31m và dài 115m cũng theo lối kiến trúc gothique.

Kitô giáo. Theo truyền thống, thánh đường nằm trong khu xóm nơi thánh Phaolô đến thăm cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi trong thành phố.

- **Vị trí Séleucie de Piérie:** Khoảng 30km cách thành Antakya có những dấu tích những con kênh cổ, rào chắn và tường thành trong một cánh đồng cát chứng giám hải cảng phồn thịnh. Thánh Phaolô đã lấy thuyền tại đây để đi đến nước Chypre trong hành trình truyền giáo lần thứ nhất, và cũng trở lại đây hai lần.

Vịnh Séleucie de Piérie ngày nay



BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Có nhiều văn bản nói về thánh Phaolô tại thành Antiôkhia, nhưng văn bản quan trọng nhất ở trong thư gửi Galát 2,11-14 kể chuyện xảy ra tại Antiôkhia giữa thánh Phêrô và thánh Phaolô. Văn bản nêu lên khác biệt ý kiến Giáo hội thời sơ khai. Cho dù bấy giờ tư tưởng thánh Phaolô chưa được chấp nhận, nhưng những thế hệ Kitô hữu sau đó đã gom các thư Phaolô lại cho hậu thế. Sau thánh Phaolô, thành Antiôkhia còn có giáo phụ Ignatiô, giám mục,

tử đạo tại thành Rôma giữa năm 100 và 107. Giáo phụ có viết một số thư thăm nhần thần học Phaolô và thánh Gioan.

Thư gửi Galát 2,11-14

Nhưng khi ông Kêpha đến Antiôkhia, tôi đã cự lại ông ngay trước mặt, vì ông đã làm điều đáng trách. Thật vậy, ông thường dùng bữa với những người gốc dân ngoại trước khi có những người của ông Giacôbê đến; nhưng khi những người này đến, ông lại tránh né và tự tách ra, vì sợ những người được cắt bì. Những người Do Thái khác cũng theo ông mà giả hình giả bộ, khiến cả ông Banaba cũng bị lôi cuốn mà giả hình như họ.

Nhưng khi tôi thấy các ông ấy không đi đúng theo chân lý của Tin Mừng, thì tôi đã nói với ông Kêpha trước mặt mọi người: “Nếu ông là người Do Thái mà còn sống như người dân ngoại, chứ không như người Do Thái, thì làm sao ông lại ép người dân ngoại phải xử sự như người Do Thái?”

Thành Tácxô (ngày nay Tarsus): nơi sinh quán

Dưới đô hộ người Ba Tư, rồi đến Hy Lạp thành Tácxô mới đi vào lịch sử. Ông Xénophon chứng nhận khoảng năm 400 trước công nguyên thành Tácxô nổi liền biển bởi dòng sông Cydnus là một thành phố giàu có. Quân Séleucides đưa người Do Thái về định cư ở đây, và năm 56, tướng Pompée đánh chiếm thành Tácxô và miền Kilikia. Hai năm sau, thành Tácxô trở thành thủ đô miền Kilikia. Hoàng đế Antoine cho thành phố được quyền tự do, và đến cư ngụ tại đây một thời gian, và ông đón tiếp hoàng hậu Cléopâtre đến viếng thăm. Khi chiến thắng trên ông Antoine vào năm 31, ông Octave vẫn cho thành Tácxô quyền ưu tiên. Thành Tácxô có những triết gia phái khắc kỷ nổi tiếng như các

ông: Zénon, Archémède, Antipater và Héraclide. Các trường học Tácxô dạy học bằng tiếng Hy Lạp và Latinh với những bậc thầy giỏi như ông Athénodore. Và các sinh viên được đào tạo tại thành Tácxô nổi tiếng đến tận thành Rôma.

Chính tại thành Tácxô, Phaolô được sinh ra trong một gia đình Do Thái. Ngài sống thời tuổi trẻ tại quê hương. Ngày nay, tại thành Tácxô chỉ còn lại dấu vết một cửa ngõ La Mã với tình trạng xuống cấp trầm trọng. Cách thành Tácxô vài cây số còn có những thác nước từ dòng sông Cydnus đổ xuống đưa đến phong cảnh đẹp.

Ngoài ra còn có “voie romaine = đường La Mã” được tái thiết dịp mừng lễ 2000 năm ngày thánh Phaolô sinh ra vào năm 2008. Con đường nằm trong quần thể khảo cổ. Con đường cũng được coi như di tích đến từ thời thánh Phaolô.

Trong thành phố cổ, người ta cho thấy một giếng nước thời kỳ La Mã và di tích đến từ những vách tường. Một truyền thống còn cho chính tại nơi đây nhà thánh Phaolô. Cách xa đó một khoảng có thánh đường thánh Phaolô, xây bằng gạch vôi từ thế kỷ thứ XI (trùng tu thế kỷ thứ XIX) dâng kính thánh Phaolô và ngày nay trở thành bảo tàng viện. Khách hành hương Kitô giáo khi viếng thăm có thể dâng thánh lễ.

Vết tích đường thời Thánh Phaolô tại Tácxô



Những nơi thăm viếng

- **Con đường La Mã:** con đường được lát đá Basan, khám phá ra dịp 2000 năm sinh nhật thánh Phaolô vào năm 2008, nằm trong công viên khảo cổ. Có thể nói vết tích duy nhất còn lại thời thánh Phaolô.

- **Giếng nước thánh Phaolô:** Trong trung tâm phố cổ thành Tácxô có một giếng nước thời La Mã và những vết tích bức tường. Một truyền thống cho nơi đây là nhà thánh Phaolô.

- **Thánh đường thánh Phaolô:** thánh đường xinh xắn bằng đá vôi nằm ngoài thành phố với một mảnh vườn yên lặng xây cất vào thế kỷ thứ XI, và tân trang vào thế kỷ thứ XIX dâng kính thánh Phaolô. Ngày nay trở thành bảo tàng viện, nhưng khách hành hương Kitô giáo có quyền đến xin dâng Thánh lễ.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 21,37–22,21

Khi sắp bị đem vào đồn, ông Phaolô nói với vị chỉ huy: “Tôi có được phép nói với ông một lời chẳng?” Ông này đáp: “Ông biết tiếng Hy Lạp à? Vậy ra ông không phải là tên Ai Cập, trước đây ít lâu, đã xúi bốn ngàn tên khủng bố nổi loạn và dẫn chúng vào sa mạc hay sao?” Ông Phaolô nói: “Tôi đây là người Do Thái, quê ở Tácxô miền Kilikia, công dân một thành không phải là không có tiếng tăm. Xin ông cho phép tôi ngỏ lời với dân.” Được vị chỉ huy cho phép, ông Phaolô đứng trên bậc thềm giơ tay làm hiệu cho dân. Mọi người im phăng phắc; ông Phaolô nói với họ bằng tiếng Hipri:

“Thưa quý vị là những bậc cha anh, xin nghe những lời biện bạch tôi nói với quý vị bây giờ đây.” Khi nghe thấy ông nói với họ bằng tiếng Hípri, họ càng yên lặng hơn. Ông nói tiếp: “Tôi là người Do Thái, sinh ở Tácxô miền Kilikia, nhưng tôi đã được nuôi dưỡng tại thành này; dưới chân ông Gamaliên, tôi đã được giáo dục để giữ Luật cha ông một cách nghiêm ngặt. Tôi cũng đã nhiệt thành phục vụ Thiên Chúa như tất cả các ông hiện nay. Tôi đã bắt bớ Đạo này, không ngần ngại giết kẻ theo Đạo, đã đóng xiềng và tống ngục cả đàn ông lẫn đàn bà, như cả vị thượng tế lẫn toàn thể hội đồng kỳ mục có thể làm chứng cho tôi. Tôi còn được các vị ấy cho thư giới thiệu với anh em ở Đamát, và tôi đi để bắt trói những người ở đó, giải về Giêrusalem trừng trị.

“Đang khi tôi đi đường và đến gần Đamát, thì vào khoảng trưa, bỗng nhiên có một luồng ánh sáng chói lọi từ trời chiếu xuống bao phủ lấy tôi. Tôi ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với tôi: “Saun, Saun, tại sao ngươi bắt bớ Ta?” Tôi đáp: “Thưa Ngài, Ngài là ai?” Người nói với tôi: “Ta là Giêsu Nadarét mà ngươi đang bắt bớ. Những người cùng đi với tôi trông thấy có ánh sáng, nhưng không nghe thấy tiếng Đấng đang nói với tôi. Tôi nói: “Lạy Chúa, con phải làm gì?” Chúa bảo tôi: “Hãy đứng dậy, đi vào Đamát, ở đó người ta sẽ nói cho anh biết tất cả những gì Thiên Chúa đã chỉ định cho anh phải làm. Vì ánh sáng chói loà kia làm cho tôi không còn trông thấy nữa, nên tôi đã được các bạn đồng hành cầm tay dắt vào Đamát.”

Ở đó, có ông Khanania, một người sùng đạo, sống theo Lê Luật và được mọi người Do Thái ở Đamát chứng nhận là tốt. Ông đến, đứng bên tôi và nói: “Anh Saun, anh thấy lại đi!” Ngay lúc đó, tôi thấy lại được và nhìn ông. Ông nói: “Thiên Chúa của cha

ông chúng ta đã chọn anh để anh được biết ý muốn của Người, được thấy Đấng Công Chính và nghe tiếng từ miệng Đấng ấy phán ra. Quả vậy, anh sẽ làm chứng nhân cho Đấng ấy trước mặt mọi người về các điều anh đã thấy và đã nghe. Vậy bây giờ anh còn chần chừ gì nữa? Anh hãy đứng lên, chịu phép rửa và thanh tẩy mình cho sạch tội lỗi, miệng kêu cầu danh Người.”

Khi trở về Giêrusalem, đang lúc tôi cầu nguyện trong Đền Thờ, thì tôi xuất thần và thấy Chúa bảo tôi: “Mau lên, hãy rời khỏi Giêrusalem gấp, vì chúng sẽ không nhận lời anh làm chứng về Thầy đâu.” Tôi thưa: “Lạy Chúa, chính họ biết rõ con đây đã đến từng hội đường bắt giam và đánh đòn những kẻ tin Chúa. Khi người ta đổ máu ông Têphanô, chứng nhân của Chúa, thì chính con cũng có mặt, con tán thành và giữ áo cho những kẻ giết ông ấy. Chúa bảo tôi: “Hãy đi, vì Thầy sẽ sai anh đến với các dân ngoại ở phương xa.

Thành Antiôchia Pisidie (ngày nay Yalvaç)

Bài diễn từ đầu tiên được tướng Séleucos Nicator xây cất giống thành Antiôchia sur Oronte và Séleucie de Périe vào năm 300 trước công nguyên. Năm 190, thành bị người La Mã chiếm đóng và trao lại cho vua Pergame tên Eumène IV. Nằm giữa núi đồi, thành phố phát triển vào thời kỳ La Mã và xuống dần từ đầu thế kỷ thứ VIII. Thành phố nổi tiếng với những công trường đá hoa cương, và vào thế kỷ thứ hai có 15.000 dân cư.

Thánh Phaolô cùng ông Banaba đến đây trong chuyến hành trình thứ nhất năm 47-48 trong chuyến đi cũng như trên đường về. Ngày nay, còn ghi lại một số vết tích như: những máng dẫn nước, nền những nhà chữ nhật đầu vòng và những đèn đài, hí viện. Nơi

một ngọn đồi gần đó, còn thấy những vòm cầu rất lớn bằng đá, và một cầu máng. Ngoài ra có “vương cung thánh đường” nằm phía tây bắc thành phố. Trong đó có một bàn thờ dâng kính thánh Phaolô, nhưng có thể được xây cất vào thế kỷ thứ IV hoặc thứ VI. Các hướng dẫn viên còn nói đến nơi cửa phía nam dấu vết một hội đường nơi thánh Phaolô rao giảng.

Những nơi thăm viếng

- **Vương cung thánh đường:** Công viên khảo cổ thành Antiôchia Pisidie nằm trên độ cao 1000m dường như bị lãng quên nhưng mang vẻ duyên dáng. Nhiều vết tích thời La Mã nằm rải rác trong một khung cảnh điền viên với những ngọn đồi xanh mướt... Một trong những kiến trúc quan trọng là Vương cung thánh đường nằm phía tây bắc thành phố. Một bàn thờ kính thánh Phaolô dưới quảng trường chợ Yalvaç cho biết thánh đường được xây cất nơi thánh Phaolô đã đến. Công trình mang 70m chiều dài, 27m chiều rộng và hướng về phía đông tây.

Dưới nền đất có thể thấy họa đồ thánh đường với gian giữa chính và hai gian khác hẹp hơn, được ngăn cách bởi mười bốn cột. Một hậu cung có bảy cạnh. Thánh đường được thay đổi nhiều lần với thời gian. Những vết tích đến từ thế kỷ thứ VI, nhưng những chên lệch về trục với những đá màu ghép tìm thấy dưới nền đất có thể đến từ thế kỷ thứ IV.

Trong gian giữa, nơi vào hậu cung có một bàn thờ, một câu ghi bằng đá ghép mang tên giám mục Optimus. Ông có mặt tại Công đồng Constantinople nhóm họp vào năm 381. Thánh đường đến sau thời thánh Phaolô nhưng được coi như một trong những thánh đường được xây cất sớm nhất. Một vài mặt lát cổ hơn nền thánh

đường còn thấy nơi cửa vào phía Nam: các hướng dân viên thường cho nơi đây có vết tích hội đường Do Thái nơi thánh Phaolô giảng thuyết đầu tiên.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 13,16-41

Ông Phaolô đứng dậy, giơ tay xin mọi người lưu ý, rồi nói: Thiên Chúa của dân Ítraen đã chọn cha ông chúng ta, đã làm cho dân này thành một dân lớn trong thời họ cư ngụ ở đất Ai Cập, và đã giơ cánh tay mạnh mẽ của Người mà đem họ ra khỏi đó. Và trong thời gian chừng bốn mươi năm, Người đã nuôi dưỡng họ trong sa mạc. Rồi Người đã tiêu diệt bảy dân tộc ở đất Canaan và ban đất của chúng cho họ làm gia sản: tất cả đã xảy ra trong khoảng bốn trăm năm mươi năm. Sau đó, Người ban cho họ các vị thủ lãnh cho đến thời ngôn sứ Samuen. Rồi họ đòi có vua, Thiên Chúa ban cho họ ông Saun, con ông Kít thuộc chi tộc Bengiamin, trị vì bốn mươi năm. Sau khi truất phế vua Saun, Người đã cho ông Đavít xuất hiện làm vua cai trị họ. Người đã làm chứng về ông rằng: Ta đã tìm được Đavít, con của Giesê, một người đẹp lòng Ta và sẽ thi hành mọi ý muốn của Ta. Từ dòng dõi vua này, theo lời hứa, Thiên Chúa đã đưa đến cho Ítraen một Đấng Cứu Độ là Đức Giêsu. Để dọn đường cho Đức Giêsu, ông Gioan đã rao giảng kêu gọi toàn dân Ítraen chịu phép rửa tỏ lòng sám hối. Khi sắp hoàn thành sứ mệnh, ông Gioan đã tuyên bố: “Tôi không phải là Đấng mà anh em tưởng đâu, nhưng kìa Đấng ấy đến sau tôi, và tôi không đáng cởi dép cho Người.

“Thưa anh em, là con cái thuộc dòng giống Ápraham, và thưa anh em đang hiện diện nơi đây, là những người kính sợ Thiên Chúa,

lời cứu độ này được gửi tới chúng ta. Dân cư thành Giêrusalem và các thủ lãnh của họ đã không nhận biết Đức Giêsu; khi kết án Người, họ đã làm cho ứng nghiệm những lời ngôn sứ đọc mỗi ngày Sabát. Tuy không thấy Người có tội gì đáng chết, họ vẫn đòi Philatô xử tử. Sau khi thực hiện tất cả mọi điều Kinh Thánh chép về Người, họ đã hạ Người từ trên cây gỗ xuống và mai táng trong mồ. Nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người trỗi dậy từ cõi chết. Trong nhiều ngày, Đức Giêsu đã hiện ra với những kẻ từng theo Người từ Galilê lên Giêrusalem. Giờ đây chính họ làm chứng cho Người trước mặt dân.

“Còn chúng tôi, chúng tôi xin loan báo cho anh em Tin Mừng này: điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta, thì Người đã thực hiện cho chúng ta là con cháu các ngài, khi làm cho Đức Giêsu sống lại, đúng như lời đã chép trong Thánh vịnh 2: Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con.

“Về việc Người đã làm cho Đức Giêsu từ cõi chết sống lại, không còn phải hư nát nữa, thì Người phán thế này: Ta sẽ ban cho các ngươi những ơn lộc đã hứa cho Đavít. Vì vậy ở chỗ khác, lại có lời rằng: Ngài sẽ không để Vị Thánh của Ngài phải hư nát. Thế mà vua Đavít, sau khi phục vụ ý định của Thiên Chúa trong đời ông, đã an nghỉ, đã được chôn cất bên cạnh tổ tiên và phải hư nát. Còn Đấng mà Thiên Chúa đã cho trỗi dậy thì không phải hư nát.

“Vậy thưa anh em, xin biết cho điều này: chính nhờ Đấng ấy mà ơn tha tội được loan báo cho anh em; và trong khi anh em không thể được giải thoát khỏi tội lỗi mà trở nên công chính nhờ tuân giữ Luật Môsê, thì nhờ Người, mọi kẻ tin đều được nên công chính.

“Vây hãy coi chừng kéo lại xảy ra điều đã nói trong sách Các Ngôn Sứ: Hỡi những kẻ khinh mạn, hãy xem, hãy kinh ngạc sững sờ và biến mất đi! Vì chính vào thời các ngươi, Ta sắp làm một việc, một việc mà các ngươi sẽ chẳng tin, nếu có ai kể lại cho các ngươi.

Thành Iconium (Konya) và Lystre (Zoldera)

Nằm trên vùng cao nguyên, thành Iconium bị đô hộ nhiều lần trong lịch sử. Thành phố vào tay người La Mã năm 133 trước công nguyên. Hai triều hoàng đế Claude và Hadrien đã tân trang thành phố, làm đường xá “via regalis” đưa thành phố mở mang về thương mại. Con đường giúp đi đến thành Antiôchia Pisidie ở phía tây bắc, và thành Lystres phía đông nam. Dưới thời Byzantine thành phố trở nên Tòa Giám mục rồi sau đó bị người Ả rập tàn phá và đánh chiếm năm 1087. Tiếp theo quân Thập tự chinh của ông Frédéric Barberousse tái chiếm năm 1190. Ông Djéllalédine Rumi (1207-1273) còn gọi Mevlana gốc người Ba Tư thành lập tại đây một cộng đoàn thần bí Hồi giáo (soufisme) mang tên “derviches tourneurs = thầy tu Hồi giáo”. Linh đạo dựa trên tình thương hải hà của Thiên Chúa, nảy nở trong kinh nguyện đượm khôn ngoan và cảm phục được kèm theo tiếng sáo. Ngày nay tu viện “derviche” ở Konya trở thành trung tâm cầu nguyện và hành hương của người Hồi giáo.

Ngày nay không còn vết tích gì đến từ thời cổ đại. Tất cả bị thành phố mới vùi lấp. Thánh Phaolô đến Iconium trong chuyến hành trình thứ nhất (45-49), và trong chuyến trở về vào năm 53. Ngài gặp nhiều khó khăn vì trong thư 2Timôthê 3,11 thánh nhân ghi: *“anh đã biết những cơn bắt bớ, những sự đau khổ tôi đã gặp ở Antiôchia, Icônô, Lýtra, đã biết tôi chịu bắt bớ như thế nào. Nhưng Chúa đã giải thoát tôi khỏi tất cả”.*

Thành Lystre cách thành Iconium khoảng 35km, nằm trên một ngọn đồi và cũng có quân đội La Mã trấn đóng. Ngày nay thành phố cũng không còn vết tích nào đến từ thời thánh Phaolô.

Những nơi thăm viếng

- **Thánh đường thánh Phaolô và Mười hai tông đồ:** được một linh mục người Pháp thuộc dòng Mệ về Trời xây cất vào thế kỷ thứ XIX. Thánh đường nằm gần Ordu Evi. Ngày nay không còn linh mục phục vụ, nhưng có hai nữ tu gìn giữ thánh đường và tiếp đón khách hành hương. Cộng đoàn Kitô hữu trong thành phố chỉ còn vài người. Họ thuộc người Kandê chạy trốn khỏi xứ Irak. Từ lễ Phục Sinh đến tháng mười, nhiều đoàn khách hành hương đến viếng thăm. Hai buổi tối trong tuần, thánh đường mở cửa cho cư dân thành phố đến đặt câu hỏi.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 14,1-20

Tại Icôniô cũng xảy ra như vậy: hai ông vào hội đường người Do Thái và giảng dạy, khiến rất đông người Do Thái và Hy Lạp tin theo. Nhưng những người Do Thái không tin theo thì xúi giục những người ngoại và làm cho họ có ác cảm với các anh em. Vậy hai ông ở lại một thời gian khá lâu, mạnh dạn vì dựa vào Chúa, là Đấng chứng nhận lời giảng về ân sủng của Người, khi cho tay các ông thực hiện những dấu lạ điềm thiêng. Quần chúng trong thành chia rẽ, kẻ thì đứng về phía người Do Thái, kẻ thì đứng về phía các Tông Đồ. Những người ngoại và những người Do Thái, cùng với các thủ lãnh của họ, mưu toan làm nhục và ném đá hai ông. Biết thế, hai ông lánh sang các thành miền Lycaonia là Lýtra, Đéc bê và

các vùng phụ cận; và tại đó các ông tiếp tục loan báo Tin Mừng. Ông Phaolô chữa một người bại chân

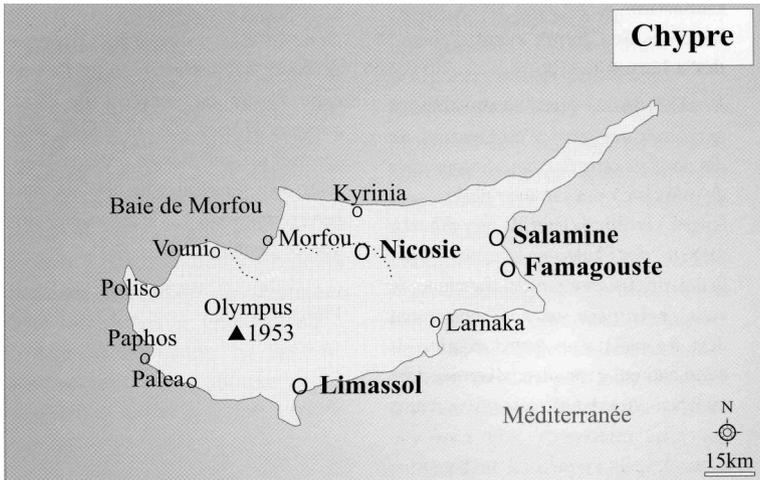
Tại Lýtra, có một người bại hai chân ngồi đó; anh ta bị què từ khi lọt lòng mẹ, chưa hề đi được bước nào. Anh nghe ông Phaolô giảng. Ông nhìn thẳng vào anh và thấy anh có lòng tin để được cứu chữa, thì lớn tiếng nói: “Anh trỗi dậy đi, hai chân đứng thẳng! “Anh đừng phất dậy và đi lại được. Thấy việc ông Phaolô làm, đám đông hô lên bằng tiếng Lycaonia: “Thần linh mặc lột người phàm đã xuống với chúng ta! “Họ gọi ông Banaba là thần Dớt, ông Phaolô là thần Hécme, vì ông là người phát ngôn. Thấy tư tế đền thờ thần Dớt ở ngoại thành đem bò và vòng hoa đến trước cổng thành, và cùng với đám đông, muốn dâng lễ tế. Nghe biết được, hai tông đồ Banaba và Phaolô xé áo mình ra, xông vào đám đông mà kêu lên: “Hỡi các bạn, các bạn làm gì thế này? Chúng tôi đây cũng chỉ là người phàm, cùng thân phận với các bạn. Chúng tôi loan Tin Mừng cho các bạn, là hãy bỏ những cái hão huyền này đi, mà trở lại cùng Thiên Chúa hằng sống, Đấng đã tạo thành trời đất với biển khơi cùng muôn loài trong đó. Trong những thế hệ đã qua, Người để cho muôn dân đi theo đường lối của họ. Tuy vậy Người không ngừng làm chứng cho mình, khi thì ân giáng phúc, ban mưa từ trời và mùa màng sung túc cho các bạn, và cho các bạn được no lòng, được an vui.” Nói vậy mà hai ông vẫn còn phải vất vả mới can được đám đông không dâng lễ tế cho hai ông. Bấy giờ có những người Do Thái từ Antiôchia và Icôniô đến, thuyết phục được đám đông. Họ ném đá ông Phaolô rồi lôi ông ra ngoài thành, vì tưởng ông đã chết. Nhưng khi các môn đệ xúm lại quanh ông, ông đứng dậy và vào thành. Hôm sau, ông trẩy đi Décbê cùng với ông Banaba.

ĐẢO CHYPRE

Đảo Chypre nằm về phía tây bắc Địa Trung Hải, cách thành Antiôchia sur Oronte khoảng 100km. Đảo có 140km chiều dài và chiều rộng khoảng 80km. Ngoài núi đồi, đảo Chypre có vùng đồng bằng phì nhiêu, và thời Cổ đại đảo nổi tiếng về đồ đồng. Người Phênixi chiếm đóng và đặt thủ đô tại Kition. Người Hy Lạp và người Do Thái cũng tìm về định cư tại đảo. Năm 58 trước công nguyên, người La Mã chiếm đảo. Sau trận chiến Actium vào năm 31, đảo trở thành một tỉnh trong đế quốc La Mã.

Thánh Phaolô tại đảo Chypre

Thánh Phaolô và ông Banaba đến đảo và đi từ Salamine đến Paphos vào năm 45. Trong thành phố, họ gặp một vài khó khăn với thầy ma thuật Êlyma (người biết những sự giấu kín). Năm 53, ông Banaba và Gioan Máccô trở lại đảo sau khi bắt bình với thánh Phaolô.



Những nơi thăm viếng

- **Những con đường:** Khoảng 15km từ thành Paphos đi về hướng Currium, có một cột bằng đá chứng nhận con đường thời La Mã dưới triều đại Auguste, được làm khoảng năm 12 trước công nguyên. Về phía bắc, có thêm một cột đường khác giữa thành Salamine và thành Carpesie làm dưới triều đại Titus vào năm 81 công nguyên. Các nhà khảo cổ cũng tìm thấy vào cuối thế kỷ thứ XIX những tấm bằng bằng chì với những lời nguyện huyền diệu chống lại quỷ dữ, gọi lại quyền các nhà ma thuật tại đảo như ông Bar-Giêsu thuộc nhóm ông Sergius Paulus.

- **Thành Salamine:** Vị trí thời cổ đại ngày nay ở 8km phía bắc thành phố Famagouste. Một đền đài kính thần Zeus. Thánh Phaolô cùng ông Banaba hẳn đã chiêm ngưỡng hí viện đồ sộ với sức chứa 15.000 chỗ được hoàng đế Auguste tái tạo. Dấu vết quan trọng còn lại khi hai ông ghé qua là tu viện thánh Banaba. Điều còn thấy ngày nay được xây cất hồi thế kỷ thứ XVIII, nhưng nền móng có từ năm 488. Bấy giờ Đức Tổng Giám mục thành Salamine nằm mơ và được chỉ dẫn thấy ngôi mộ thánh Banaba. Theo truyền thống, ông Banaba bị hỏa thiêu dưới triều hoàng đế Néron. Sau đó có truyền thuyết viết thêm trong cuốn “Ca tụng ông Banaba” giải thích xác thánh nhân được cứu khỏi giàn hỏa thiêu và được ông Máccô mang về chôn cất tại đây vào năm 75. Vì thành phố được hai ông Phêrô và Banaba rao giảng, nên Giáo hội Chypre được hoàn toàn độc lập. Từ năm 431, Giáo hội tách ra khỏi Chính Thống giáo Hy Lạp tại thành Antiôchia và họ tự quyền bổ nhiệm Giám mục. Ông Banaba trở nên thánh quan thầy đảo Chypre.

- **Thành Palea Paphos** (ngày nay Kouklia) nơi thời bấy giờ có đền thờ thần Aphrodite. **Thành Nea Paphos** (ngày nay Kato

Paphos), cách Palea Paphos 15km về phía nam được các vua Hy Lạp xây dựng năm 312 trước công nguyên. Thành trở nên quan trọng hơn thành Salamine vào thế kỷ thứ II, và nơi người La Mã đặt cơ quan hành chính. Tại nơi gọi “Toumballos” còn có vết tích một đền đài bị chôn vùi dưới đất thờ thần Apollon. Về sau Đức Giám mục Hilarion miền Gaza cho xây cất một thánh đường trên đó. Năm 1999, các nhà khảo cổ người Ý tìm thấy một mảnh đá hoa cương dâng cho “tông đồ Phaolô”. Nét chữ đến từ thế kỷ thứ II, cho biết thánh nhân được tôn kính rất sớm nơi đây.

Xa xa hơn trong thành phố còn có “Agia Kiriaki” hay “Chrysopolitisia”: một thánh đường với lối kiến trúc đậm bạc ở thế kỷ thứ XVI, nhưng khảo cổ học đào xới và biết có nhiều dấu tích đến từ nhiều thánh đường qua nhiều thời kỳ, và có thể đi lên đến thế kỷ thứ IV. Người ta lấy lại các cột đến từ các đền đài thời cổ đại và dùng nhiều đá hoa cương. Trong những số cột đó, hướng dẫn viên thường chỉ cho thấy một cột nơi thánh Phaolô bị trói và đánh đòn.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 13,1-13

Trong Hội Thánh tại Antiôchia, có những ngôn sứ và thầy dạy, đó là các ông Banaba, Simêôn biệt hiệu là Đen, Lukiô người Kyrênê, Manaen, bạn thời thơ ấu của tiểu vương Hêrôđê, và Saolô. Một hôm, đang khi họ làm việc thờ phượng Chúa và ăn chay, thì Thánh Thần phán bảo: “Hãy dành riêng Banaba và Saolô cho Ta, để lo công việc Ta đã kêu gọi hai người ấy làm.” Bấy giờ họ ăn chay cầu nguyện, rồi đặt tay trên hai ông và tiễn đi. Vậy, được Thánh Thần sai đi, hai ông xuống Xêlêukia, rồi từ đó đáp tàu đi

đảo Síp. Đến Xalamin, hai ông loan báo lời Thiên Chúa trong các hội đường người Do Thái. Có ông Gioan giúp hai ông. Các ông đi xuyên qua đảo đến Paphô; ở đây các ông gặp một người phù thủy, mạo xưng là ngôn sứ; ông này là người Do Thái, tên là Ba-Giêsu. Ông ta ở với thống đốc Xécghiô Phaolô, một người thông minh. Thống đốc cho mời ông Banaba và ông Saolô đến và ước ao được nghe lời Thiên Chúa. Nhưng người phù thủy ấy, tên Hy Lạp là Êlyma, chống lại hai ông và tìm cách ngăn cản thống đốc tin Chúa. Bấy giờ ông Saolô, cũng gọi là Phaolô, được đầy Thánh Thần, nhìn thẳng vào người phù thủy, và nói: “Hỡi kẻ đầy mọi thứ mưu mô và mọi trò xảo trá, hỡi con cái ma quỷ và kẻ thù của tất cả những gì là công chính, ngươi không bỏ thói bẻ cong những đường lối ngay thẳng của Chúa sao? Giờ đây, này bàn tay Chúa giáng xuống trên ngươi: ngươi sẽ bị mù, không thấy ánh sáng mặt trời trong một thời gian.” Lập tức, mù loà và tối tăm ập xuống trên người phù thủy, và ông ta phải lần mò tìm người dắt. Bấy giờ, thấy việc xảy ra, thống đốc liền tin theo, vì ông rất đỗi ngạc nhiên về giáo huấn của Chúa. Từ Paphô, ông Phaolô và các bạn đồng hành vượt biển đến Pécghê miền Pamphylia. Nhưng ông Gioan bỏ các ông mà về Giêrusalem.

NƯỚC HY LẠP

Nước Hy Lạp ngày nay không có vào thời thánh Phaolô, nhưng ba tỉnh La Mã Epire, Makêđônia và Achaie kết thành Hy Lạp thời bấy giờ. Thánh Phaolô rao giảng trong những thành phố lớn và ở tại hai tỉnh Makêđônia và Achaie một thời gian dài trong những cộng đoàn do ngài thành lập. Dầu sao, tại Hy Lạp cũng như tại một số nơi khác, chứng nhận hiện diện Kitô giáo cũng rất hiếm cho đến khoảng đầu thế kỷ thứ IV. Các cộng đoàn do thánh Phaolô và các thừa sai khác xây dựng sống lay lắt, cử hành bữa tiệc Thiên Chúa trong các nhà, hoặc trong hội đường nếu như họ được đón nhận.

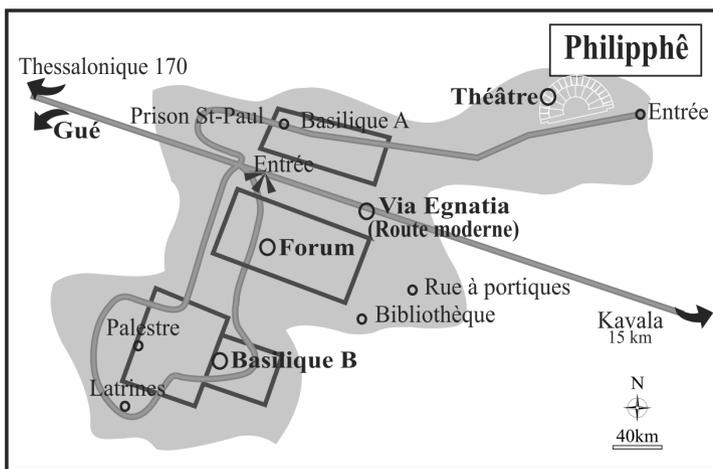
Thành Philípphê

Thuộc miền Makêđônia, mang tên hoàng đế Philípphê II (trị vì 359-336 trước công nguyên). Ông là bố Alexandre đại đế. Ngoài nông nghiệp với những cánh đồng phì nhiêu, còn có các hầm mỏ vàng và bạc trong vùng núi Pangée gần kề. Người La Mã đánh chiếm từ năm 168 trước công nguyên. Khi quân ông Antoine và Octave chiến thắng quân ông Brutus và Cassius tại cánh đồng Philípphê vào năm 42 trước công nguyên, thành phố bấy giờ chỉ là một thị trấn. Năm 31, ông Octave loại ông Antoine tại cuộc hải chiến Actium, và lên làm hoàng đế. Ông đưa thành Philípphê lên tầm quan trọng, và cho cư dân Philípphê quyền “jus italicum”, một quyền ngang với cư dân thành Rôma. Thời Trung cổ thành Philípphê bị bỏ rơi vì bệnh dịch sốt rét.

Thánh Phaolô xuống tàu tại Troas, đi qua Samothrace và đến Néapolis vào năm 50. Ngài lấy con đường Via Egnatia để đi đến thành Philípphê, cách biển khoảng chừng 15km. Tại đây thánh

nhân gặp nhiều khó khăn, nhưng vẫn gắn bó thâm sâu với cộng đoàn được chứng giám qua thư gửi giáo đoàn Philípphê. Lá thư được gửi từ thành Êphêxô vào năm 56-57. Sau này, giáo đoàn Philípphê còn nhận được một lá thư đến từ ông Polycarpe, Giám mục thành Smyrne. Cộng đoàn Kitô hữu phát triển rất mạnh, và đến thời Byzantine phải xây cất hai vương cung thánh đường lớn.

Ngày nay thành phố thời cổ đại để lại nhiều dấu tích: một nghi trường lớn được tái thiết dưới thời hoàng đế Marc Aurèle (168-180); con đường Via Egnatia; hí trường và các vương cung thánh đường xuống cấp. Một vài di tích gần con suối theo truyền thống nơi thánh Phaolô gặp bà Lydie, người gốc Thyatire. Bà làm nghề buôn phẩm tía, và được coi như đồ đệ đầu tiên của thánh Phaolô.



Những điểm thăm viếng

- **Thánh đường tám góc:** Về phía tây nghi trường, một vương cung thánh đường Kitô giáo cổ đại mang hình tám góc đến từ thế kỷ thứ IV để lại nhiều vết tích: có cửa vào, giếng rửa tội...

Phía dưới, vào năm 1975, khảo cổ đào sỏi tìm thấy hai gian phòng vuông - gian giữa thánh đường và một cửa ra vào - được đóng lại bằng một hậu cung và một mảng đá ghép (mosaique) đề tặng: “*Porphyrios, Giám mục, làm trong Chúa Kitô mảnh ghép vương cung thánh đường thánh Phaolô*”. Ông Porphyre hoàn tất việc xây cất vào năm 325. Đối với các nhà khảo cổ, vương cung thánh đường đúng hơn “nơi có mộ tử đạo”, một đền đài tôn kính thánh Phaolô theo cách dành cho các anh hùng Hy Lạp. Vì thế có thể nói thánh đường được xây cất ba thế kỷ sau khi thánh Phaolô đi qua đó, coi như một trong thành đường cổ nhất xứ Hy Lạp. Sau khi thánh Phaolô đi qua, một cộng đoàn Kitô hữu hình thành sống lay lắt với những Kitô hữu đến từ miền Tiểu Á hay thành Thêxalônica.

- **Vương cung thánh đường “B”**: Ký ức về thánh Phaolô lớn dần theo cộng đoàn phát triển. Rất có thể “mộ tử đạo” thánh Phaolô lôi kéo khách hành hương đến kính viếng làm cho thành phố sung túc hơn. Vào thế kỷ thứ V, thánh đường tám góc trở nên nhà thờ chánh tòa, và có luôn một khu xóm dành cho Giám mục. Sau đó những thánh đường khác được xây cất lên trong thành phố. Vì thế một vài bức tường và những vòm của vương cung thánh đường “B” vẫn còn tồn tại. Dựng lên ở phía nam Nghị trường vào thế kỷ thứ VI nhưng chưa bao giờ hoàn tất.

- **“Nhà tù thánh Phaolô”**: Phía bên kia đường “via Egnatia”, vương cung thánh đường “A” được xây cất trên một thềm vào cuối thế kỷ thứ V. Qua một lối đi cong hình khuỷu, có thể đến một bể chứa La Mã và truyền thống cho như nhà tù nhỏ nơi thánh Phaolô bị bắt giam.

- **Suối Lydie**: Ra khỏi thành phố phía tây, có một nơi lội qua để đến con suối Gangitès duy nhất của thành Philípphê. Tại nơi đây,

truyền thống cho thánh Phaolô tìm nơi cầu nguyện của người Do Thái và gặp những người đàn bà Do Thái và “kính sợ Thiên Chúa”, đặc biệt bà Lydie (Cv 16,13) sẵn sàng nghe thánh nhân giảng dạy. Có thể vì không có hội đường, cộng đoàn Do Thái giáo tụ họp gần nơi có nước thực hành nghi thức thanh tẩy và trở nên nơi cầu nguyện ngoài trời. Một đài vòng mới được xây cất bên con suối đón khách hành hương, gần với giếng rửa tội Lyda của Chính Thống giáo.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 16,13–17,1

Ngày Sabát, chúng tôi ra khỏi cổng thành, men theo bờ sông, đến một chỗ chúng tôi đoán chừng có nơi cầu nguyện. Chúng tôi ngồi xuống nói chuyện với những phụ nữ đang họp nhau tại đó. Có một bà tên là Lydia, quê ở Thyatira, chuyên buôn bán vải điều. Bà là người tôn thờ Thiên Chúa; bà nghe, và Chúa mở lòng cho bà để bà chú ý đến những lời ông Phaolô nói. Sau khi bà và cả nhà đã chịu phép rửa, bà mời chúng tôi: “Các ông đã coi tôi là một tín hữu Chúa, thì xin các ông đến ở nhà tôi.” Và bà ép chúng tôi phải nhận lời.

Một hôm, đang khi chúng tôi đi tới nơi cầu nguyện, một đầy tớ gái đón gặp chúng tôi; cô ta bị quỷ thần óp, và thuật bói toán của cô làm lợi nhiều cho các chủ của cô. Cô lẽo đẽo theo ông Phaolô và chúng tôi mà kêu: “Các ông này là tôi tớ Thiên Chúa Tối Cao; họ loan báo cho các người con đường cứu độ.” Cô cứ làm thế trong nhiều ngày. Bực mình, ông Phaolô quay lại bảo quỷ: “Nhân danh Đức Giêsu Kitô, ta truyền cho ngươi phải xuất khỏi người này!” Ngay lúc ấy, quỷ thần liền xuất.

Các chủ của cô thấy hy vọng kiếm lợi đã tiêu tan, liền túm lấy ông Phaolô và ông Xila mà lôi đến quảng trường, đưa ra trước nhà chức trách. Họ điệu hai ông đến các quan toà và nói: “Những người này gây xáo trộn trong thành phố chúng ta; họ là người Do Thái, và họ truyền bá những tập tục mà người Rôma chúng ta không được phép chấp nhận và thi hành.” Đám đông nổi lên chống hai ông. Các quan toà, sau khi đã cho lột áo hai ông, thì ra lệnh đánh đòn. Khi đã đánh như tử, họ tống hai ông vào ngục, và truyền cho viên cai ngục phải canh giữ cẩn thận. Được lệnh đó, người này tống hai ông vào phòng giam sâu nhất và cùm chân lại.

Vào quãng nửa đêm, ông Phaolô và ông Xila hát thánh ca cầu nguyện với Thiên Chúa; các người tù nghe hai ông hát. Bỗng nhiên có động đất mạnh, khiến nền móng nhà tù phải rung chuyển. Ngay lúc đó, tất cả các cửa mở toang và xiềng xích của mọi người buột tung ra. Viên cai ngục choàng dậy và thấy các cửa ngục mở toang, liền rút gươm định tự tử, vì tưởng rằng các người tù đã trốn đi. Nhưng ông Phaolô lớn tiếng bảo: “Ông chớ hại mình làm chi: chúng tôi còn cả đây mà!”

Viên cai ngục bảo lấy đèn, nhảy bổ vào, run rẩy sấp mình dưới chân ông Phaolô và ông Xila, rồi đưa hai ông ra ngoài và nói: “Thưa các ngài, tôi phải làm gì để được cứu độ?” Hai ông đáp: “Hãy tin vào Chúa Giê-su, thì ông và cả nhà sẽ được cứu độ.” Hai ông liền giảng lời Chúa cho viên cai ngục cùng mọi người trong nhà ông ấy. Ngay lúc đó, giữa ban đêm, viên cai ngục đem hai ông đi, rửa các vết thương, và lập tức ông ấy được chịu phép rửa cùng với tất cả người nhà. Rồi ông ấy đưa hai ông lên nhà, dọn bàn ăn. Ông và cả nhà vui mừng vì đã tin Thiên Chúa.

Sáng ngày ra, các quan toà sai vệ binh đến nói với viên cai ngục: “Thả những người ấy ra!” Viên cai ngục báo tin ấy cho ông Phaolô: “Các quan toà sai người đến bảo thả các ngài. Vậy bây giờ xin các ngài ra và đi bình an.” Nhưng ông Phaolô nói với họ: “Chúng tôi là những công dân Rôma, không có án gì cả, mà họ đã đánh đòn chúng tôi trước công chúng, rồi tống ngục. Bây giờ họ lại lên lút tống chúng tôi ra! Không được! Họ phải đích thân đến đưa chúng tôi ra!”

Các vệ binh trình lại những lời ấy cho các quan toà. Những ông này sợ hãi khi nghe biết hai ông là công dân Rôma. Họ bèn đến xin lỗi, rồi đưa hai ông ra và xin hai ông rời khỏi thành phố. Ra khỏi ngục, hai ông đến nhà bà Lyđiã; sau khi gặp các anh em và khuyên nhủ họ, hai ông ra đi.

Hai ông đi ngang qua Amphipôli và Apôlônia, đến Thêxalônica, là nơi có một hội đường của người Do Thái.

Thành Thêxalônica (ngày nay Salonique)

Thủ đô miền Makêđônia giữ vai trò quan trọng hơn thành Philipphê thời thánh Phaolô. Thành do ông Cassandre (316-315) xây dựng vào năm 315 trước công nguyên và lấy tên bà vợ “Thessalonikê”. Người La Mã đánh chiếm từ năm 168, và trở nên sung túc với người tứ xứ trong đế quốc La Mã đến cư ngụ. Nơi giao lộ đường “via Egnatia” có một hướng đi Byzance, và hướng khác về miền Balkan, và Địa Trung hải.

Thánh Phaolô đến thành Thêxalônica vào năm 50-51 sau khi đi qua Apollonie và Amphipolis, trước khi về thành Bêrê, Athènes và Côrintô. Thánh nhân lập cộng đoàn Kitô hữu tại đây trong cuộc hành trình thứ hai, và trở lại củng cố đức tin các kitô hữu trong

cuộc hành trình thứ ba. Ngài cũng gửi cho họ một trong những lá thư viết đầu tiên.

Thêxalônica có một hải cảng trao đổi cần thiết giữa nước Ý và Đông phương. Một thành phố thương mại và kỹ nghệ lớn ngày nay, nhưng vết tích thời cổ đại không còn nhiều. Thành phố mới được xây dựng lại trên thành phố cổ. Ngày nay còn thấy vòm Galère trong tình trạng xuống cấp. Ngoài ra còn có một số thánh đường thời Byzantine chứng giám Kitô giáo với một thời cực thịnh: thánh đường thánh Sophie và thánh Démètre thế kỷ thứ VIII. Bảo tàng viện khảo cổ có nhiều hình tượng thời Hy Lạp - Lamã. Mộ vua Philipphê, bố ông Alexandre mới tìm thấy tại Verginia gần thành Bêrê.

Những nơi thăm viếng

- **Vòm Galère:** Song song với bờ biển, chia thành phố ở phía dưới ra làm hai. Vòm mang vết tích công trình đồ sộ được hoàng đế Galère xây cất vào khoảng năm 300 để tưởng niệm cuộc chiến thắng chống lại người Ba Tư.

- **Nghị trường:** Nằm về hướng phía tây, quảng trường công cộng của người Hy Lạp và La Mã được tìm thấy lại vào khoảng thập niên 1960 ngay trung tâm thành phố. Nghị trường được sử dụng từ hồi thế kỷ thứ I, và những Kitô hữu tiên khởi đã đến đó. Nghị trường gồm có một hành lang, và vào thế kỷ thứ II thêm vào một nhà hát. Một bức tranh tường Kitô giáo ở thế kỷ thứ VI họa hai thánh Côme và Damien (phép lạ chữa bệnh) với Chúa Kitô, vì thế có thể dùng như trạm y tế. Từ năm 2010, một bảo tàng viện xây trên nghị trường.

- **Thánh đường thánh Georges:** Lãng người La Mã hình tròn dâng kính hoàng đế Galère từ thế kỷ thứ IV, nhưng không bao giờ

dùng đến. Một vết tích thời cổ đại. Sau đó thay đổi thành thánh đường vào khoảng năm 400. Đầu thế kỷ thứ VI, hậu cung thêm vào phía đông, và một cửa ra vào ở phía tây.

- **Thánh đường Acheiropoiétos:** Thánh đường xây cất vào khoảng cuối thế kỷ thứ V, nhưng lấy lại bản đồ hình vuông đặc trưng của người La Mã. Thánh đường đánh dấu giai đoạn các đồ đệ đầu tiên của thánh Phaolô đưa Kitô giáo trở thành tôn giáo duy nhất trong đế quốc.

- **Bảo tàng viện văn minh Byzantine:** Bảo tàng viện mới khánh thành năm 1994, muốn cho thấy cuộc sống thường nhật thời Cổ đại với những vật dụng, những đá ghép màu, dụng cụ được tìm thấy trong các cuộc khảo sát khảo cổ vùng Makêđônia. Gian phòng thứ nhất mang những chứng từ đến từ Kitô giáo: yếu tố trang hoàng thánh đường, đèn dầu thánh do khách hành hương dùng tới từ thế kỷ thứ IV...

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 17,1-10

Hai ông đi ngang qua Amphipôli và Apôlônia, đến Thêxalônica, là nơi có một hội đường của người Do Thái. Theo thói quen, ông Phaolô đến với họ, và trong ba ngày sabát liền, ông thảo luận với họ; dựa vào Kinh Thánh, ông giải thích và xác định rằng Đấng Kitô phải chịu khổ hình và sống lại từ cõi chết; ông nói: “Đấng Kitô ấy, chính là Đức Giêsu mà tôi rao giảng cho anh em.” Trong nhóm đó, có mấy người đã chịu tin theo và nhập đoàn với ông Phaolô và ông Xila; một số rất đông những người Hy Lạp tôn thờ Thiên Chúa và không ít phụ nữ quý phái cũng làm như vậy.

Nhưng người Do Thái sinh ghen tức, họ quy tụ một số du đấng đầu đường xó chợ, họp thành đám đông, gây náo động trong thành. Họ kéo đến nhà ông Giaxon, tìm ông Phaolô và ông Xila để đưa hai ông ra trước đại hội toàn dân. Không tìm thấy hai ông, họ bèn lôi ông Giaxon và một số anh em ra trước nhà chức trách thành phố, mà kêu la rằng: “Những tên gây rối trong cả thiên hạ, nay vác mặt đến đây, thế mà Giaxon lại chứa chấp chúng! Tất cả bọn này đi ngược lại các chiếu chỉ của hoàng đế Xêda, vì chúng nói rằng có một vua khác là Giêsu.” Nghe những lời ấy, đám đông và các nhà chức trách thành phố xông vào, họ đòi ông Giaxon và những người kia phải nộp tiền ký quỹ rồi mới thả ra.

Ngay đêm ấy, các anh em tiễn ông Phaolô và ông Xila đi Bêroia. Đến nơi, các ông vào hội đường người Do Thái.

Thành Athènes

Theo truyền thuyết, thành Athènes được hai ông Cecrops và Erechtee xây dựng. Cecrops được coi như anh hùng và vị vua huyền thoại mang dạng thần linh; Erechtee một tư tế. Sau đó đến ông Thésée đã tụ họp các dân tỉnh Attique lại. Dần dà, cư dân tiến lên nền dân chủ một cách khó khăn, và nhờ ông Solon với những lề luật riêng đánh dấu một bước ngoặt quan trọng.

Năm 561, khi ông Solon qua đời, ông Pisistrate chiếm “Acropole” thiết lập thể chế chuyên quyền với những người con kế tiếp mang tên Hippias và Hipparque. Từ “acropole” đến từ Hy Lạp “ἄκροπολις / *akrópolis*”, có nghĩa thành phố trên cao. Bình thường chỉ định một pháo đài được xây cất ở nơi cao nhất để có thể bảo vệ một thành phố Hy Lạp thời Cổ đại. Và cũng được dùng như nơi cho người dân lên trú ẩn khi thành phố bị tấn công. Tại “acropole” cũng có những đền đài dâng kính các thần linh chính

của thành phố. Thành Athènes trở thành trung tâm chói rạng cho các nhà thông thái, thi sĩ và nghệ nhân. Khi bị người Ba Tư đe dọa, ông Thémistocle cho bao bọc thành Athènes và vùng phụ cận Pirée một vòng đai bảo vệ. Ông còn cho đóng 200 thuyền chiến ba lớp chèo. Nhờ đó đã giúp ích rất nhiều trong trận chiến tại Salamine vào năm 480.

Nền dân chủ được ông Trasybule tái lập vào năm 403. Năm 399, triết gia Socrate bị bắt uống chất độc. Tình hình chính trị xuống cấp vào thế kỷ thứ IV nhưng nền văn minh còn sáng rực với các ông: Platon, Aristote, Xénophon, Méandre, Isocrate, Lysias, Eschyne, Praxitèle. Sau đó, thành Athènes bị rơi vào tay ông Philipphê người Makêdonia. Đến năm 168 trước công nguyên người La Mã lần chiếm, và các hoàng đế La Mã với Pompée, Auguste và Agrippa đã tân trang lại thành phố.

Thành Athènes chinh phục nhiều du khách với những đền đài phong phú như đền “Parthémon” dâng kính nữ thần Athéna nhô cao trên thành phố từ “Acropole”. Mọi nơi đều có những tượng thần linh địa phương hay đến từ ngoại quốc, những đền với nghi thức bí nhiệm gọi cho biết đang ở trung thế giới dân ngoại Hy Lạp - La Mã.

Năm 50-52, khi làm cuộc hành trình lần thứ hai, thánh Phaolô khám phá thành phố dưới quyền người La Mã, nhưng không còn ảnh hưởng chính trị và văn hóa như giữa thế kỷ thứ V và thế kỷ thứ II trước công nguyên. Thành Athènes bị thành Alexandria cạnh tranh với những nhà tư tưởng, thi sĩ, kịch sĩ, khoa học và nghệ nhân nổi tiếng...; dấu sao Athènes vẫn được coi như kinh thành tri thức, và nhiều người tìm đến học. Thánh Phaolô hoàn toàn thất bại khi rao giảng tại thành Athènes. Nơi đây có một hội đường Do Thái giáo, thánh Phaolô đến đó rao giảng cũng như rao giảng nơi

quảng trường công cộng được gọi “Agora”. Thánh nhân đi vào đối thoại với các triết gia phái khắc kỷ và phái khoái lạc chủ nghĩa. Hai trường phái triết học hoàn toàn đối chọi nhau. Thánh Phaolô còn có một diễn từ đọc tại “Arêôpagô” (hội đồng kỳ mục điều hành thành phố), như các triết gia đặc biệt ông Socrate (thế kỷ thứ V trước công nguyên). Thánh Phaolô qui chiếu một câu của thi sĩ Hy Lạp miền Kilikia tên Aratos, người sống hai thế kỷ trước đó, trong một bài thơ dâng kính các thần: *“Thật vậy, chính ở nơi Người mà chúng ta sống, cử động, và hiện hữu, như một số thi sĩ của quý vị đã nói: “Chúng ta cũng thuộc dòng giống của Người”* (Công vụ 17,28). Khi thánh nhân nhắc Athènes có một bàn thờ “kính thần vô danh” tức khẳng định hiện hữu một đền thờ dâng kính thần Agnostos Theos. Thánh Phaolô muốn giải thích Thiên Chúa thật có thể biết được, chứ không chỉ nơi những ngẫu tượng bằng bạc hay bằng đá. Ông nói đến sự sống lại, một ý tưởng mới lạ đối với dân ngoại, và bị dân thành Athènes bác bỏ. Họ không kết án thánh nhân, vì người dân Athènes biết tôn trọng ý kiến người khác.

Những nơi thăm viếng

- **Agora (quảng trường):** Vết tích nơi thánh Phaolô đến rao giảng xuống cấp trầm trọng, và phải tưởng tượng với một bản đồ mới thấy lại được bầu khí thời bấy giờ. Chung quanh Agora còn có nhiều dinh thự công cộng và những đền đài tôn giáo hay nơi giảng dạy: nhà thể thao, thư viện... và một số bức tượng các thần linh và anh hùng. Cuối thế kỷ thứ I trước công nguyên, hoàng đế Agrippa cho xây ở nơi giữa khoảng trống một nhà hát. Về phía đông, có thể thấy tháp gió do nhà thiên văn Andronikos xây cất với một đồng hồ mặt trời và đồng hồ thủy lực vào thế kỷ I trước công nguyên. Thánh Phaolô có thể cũng đã đến coi khi đi ngang qua đây.

- “**Arêôpagô**” (hội đồng kỳ mục điều hành thành phố): trên ngọn đồi nằm về phía bắc Acropole qui tụ một hội đồng gồm từ 200 đến 300 công dân quý tộc. Họ thuộc thành phần về hưu và coi như thành viên vĩnh viễn, gìn giữ luật lệ và pháp lý cho những vụ án quan trọng. “Arêôpagô” trở nên cơ quan chính thức điều hành thành phố. Ngày nay còn thấy một vài bậc bằng đá đẽo. Nơi cửa vào, có tấm biển ghi diễn từ thánh Phaolô.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 17,16-34

Trong khi ông Phaolô đợi hai ông ở Athêna, ông nổi giận vì thấy thành phố nhan nhản những tượng thần. Vậy ông thảo luận trong hội đường với những người Do Thái và những người tôn thờ Thiên Chúa, và ngoài quảng trường mỗi ngày với những người qua lại. Có mấy triết gia thuộc phái Khoái Lạc và phái Khắc Kỷ cũng trao đổi với ông. Kẻ thì nói: “Con vẹt đó muốn nói gì vậy? “Người khác lại bảo: “Hình như ông ta rao giảng về những thần xa lạ”, vì ông Phaolô loan báo Tin Mừng về Đức Giêsu và về sự Phục Sinh.

Họ mời ông đi với họ đến Hội đồng Arêôpagô và nói: “Chúng tôi có thể biết thứ đạo lý mới ông dạy là gì không? Quả ông có đem đến cho chúng tôi một số điều lạ tai; vậy chúng tôi muốn biết những điều đó nghĩa là gì.” Thật thế, mọi người Athêna và kiều dân ở đó chỉ để thời giờ bàn tán hay nghe những chuyện mới nhất.

Đứng giữa Hội đồng Arêôpagô, ông Phaolô nói: “Thưa quý vị người Athêna, tôi thấy rằng, về mọi mặt, quý vị là người sùng đạo hơn ai hết. Thật vậy, khi rảo qua thành phố và nhìn lên những nơi thờ phượng của quý vị, tôi đã thấy có cả một bàn thờ, trên đó khắc

chữ: “Kính thân vô danh”. Vậy Đấng quý vị không biết mà vẫn tôn thờ, thì tôi xin rao giảng cho quý vị.

“Thiên Chúa, Đấng tạo thành vũ trụ và muôn loài trong đó, Đấng làm Chúa Tể trời đất, không ngự trong những đền do tay con người làm nên. Người cũng không cần được bàn tay con người phục vụ, như thể Người thiếu thốn cái gì, vì Người ban cho mọi loài sự sống, hơi thở và mọi sự. Từ một người duy nhất, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại, để họ ở trên khắp mặt đất; Người đã vạch ra những thời kỳ nhất định và những ranh giới cho nơi ở của họ. Như vậy là để họ tìm kiếm Thiên Chúa; may ra họ dò dẫm mà tìm thấy Người, tuy rằng thực sự Người không ở xa mỗi người chúng ta. Thật vậy, chính ở nơi Người mà chúng ta sống, cử động, và hiện hữu, như một số thi sĩ của quý vị đã nói: “Chúng ta cũng thuộc dòng giống của Người.

“Vậy, vì là dòng giống Thiên Chúa, chúng ta không được nghĩ rằng thần linh giống như hình tượng do nghệ thuật và tài trí con người chạm trổ trên vàng, bạc hay đá.

“Vậy mà Thiên Chúa nhắm mắt bỏ qua những thời người ta không nhận biết Người. Bây giờ Người truyền cho người ta rằng mọi người ở mọi nơi phải sám hối, vì Người đã ấn định một ngày để xét xử thiên hạ theo công lý, nhờ một người mà Người đã chỉ định. Để bảo đảm điều ấy với mọi người, Thiên Chúa đã làm cho vị này sống lại từ cõi chết.”

Vừa nghe nói đến người chết sống lại, kẻ thì nhạo cười, kẻ thì nói: “Để khi khác chúng tôi sẽ nghe ông nói về vấn đề ấy.” Thế là ông Phaolô bỏ họ mà đi. Nhưng có mấy người đã theo ông và tin Chúa, trong số đó có ông Điônyxiô, thành viên Hội đồng Arêôpagô và một phụ nữ tên là Đamari cùng những người khác nữa.

Thành Côrintô (ngày nay Corinthos)

Phần đất có nhiều phương tiện để xây cất một thành phố: Gần hai biển, suối nước, đất giàu có... và được ông Sisyphé xây dựng lên. Thành phố độc lập vào năm 747, và nhiều đoàn người đến định cư tại Corfou và Syracuse. Năm 657, ông Kypsélos phát triển thành phố và thiết lập đế chế chuyên quyền. Con ông tên Périandre, một trong 7 hiền triết trị vì 47 năm. Nhờ thương mại phát triển, thành Côrintô trở nên nổi tiếng với xa hoa và những kẻ nịnh thần. Khi người La Mã chiếm đóng vào năm 146, Côrintô trở thành thủ đô của thái thú Achaie. Các công trình đều đến từ thời này, trừ đền Apollon được xây cất giữa năm 550 đến 525. Một hí viện với 18.000 chỗ và một nhà hát với 3.000 chỗ. Hai máy nước nổi tiếng: Glauké do người La Mã tái tạo, và Pirène cũng được tân trang nhiều lần. Gần đó, có con đường bằng đá hoa cương dẫn đến cảng Léchaion. Côrintô có quảng trường nổi tiếng với diện tích 200m trên 100m với nhiều cửa hàng. Nơi một phía bên cạnh có “bêma” diễn đàn cho vị tổng trấn La Mã đến diễn thuyết cho đám đông. Truyền thống cho thánh Phaolô gặp quan tổng trấn Gallion tại nơi đây, và thánh nhân diễn thuyết để bào chữa cho mình và dẫn giải lòng tin mới. Ngoài ra, thành Côrintô còn có “Acropole” cao 600m thống trị thành phố và hai hải cảng.

Đền Apollon tại Côrintô



Chính tại Côrintô giàu có, mới tân trang, được linh hoạt thương mại với hai cảng Cendrées trên vịnh Saronique và Léchaion trên vịnh Côrintô mà thánh Phaolô đến vào năm 50-52. Thánh nhân ở lại 18 tháng, làm nghề dệt, đến rao giảng tại các hội đường người Do Thái, và thiết lập cộng đoàn Kitô hữu. Thánh Phaolô gửi cho họ tất cả bốn lá thư, nhưng ngày nay chỉ còn lại hai lá thư để trả lời những câu hỏi do họ nêu lên. Ngài đi gặp gỡ tổng trấn Gallion, quan thái thú Achaie theo một biển ghi tìm thấy tại Delphes. Tại Côrintô, thánh Phaolô đã viết lá thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica vào năm 50, và thư gửi Rôma vào năm 54.

Sau này, hai hoàng đế Hadrien và Hérode Atticus tân trang thành phố và Côrintô trở nên kinh thành đẹp nhất Hy Lạp. Năm 267, người Hérules tàn phá thành phố vào năm 267, Côrintô bắt đầu xuống dốc. Đến thời Thập tự chinh, Côrintô chỉ còn lại pháo đài trên Acropole. Những vết tích nghèo nàn nhưng gợi lại chiều dài lịch sử giao động.

Những nơi thăm viếng

- **Những ngôi chợ:** Phía bắc Quảng trường (Agora), các nhà khảo cổ người Mỹ tìm thấy có tất cả bốn chợ. Hai ngôi chợ đã có từ thời thánh Phaolô: sân quanh đền Apollon và chợ phía Bắc. Hai nơi được thánh Phaolô nhắc đến trong thư 1 Côrintô 10,25: *“Tất cả những gì bán ngoài chợ, anh em cứ việc ăn, không cần phải đặt vấn đề lương tâm”*, nơi có thể tìm thấy thịt tươi đến từ những hy lễ cho các thần ngoại giáo. Chính tại những ngôi chợ trên, với hình thức vuông với những cửa hàng mà thánh nhân có thể thấy hai vợ chồng Aquila và Priscilla làm nghề dệt lều. Nhà chú giải Kinh Thánh Murphy O'Connor cho thánh Phaolô ngủ tại xưởng làm, trong một căn phòng tối với chu vi 4m trên 3m giống

như thường thấy trong các “souk” ở các thành phố miền Trung đông hiện nay.

- **Câu khắc Erastus:** giữa chợ phía Bắc và hí viện, người ta khám phá ra từ năm 1929 hai tấm lát ghi câu chữ La tinh: “*Erastus đặt mặt lát này với tiền của ông, để cảm ơn cho sự đắc cử ủy viên hội đồng thành phố*”. Câu ghi được viết giữa năm 50 đến năm 100 công nguyên và tên Erastus không thấy được chứng giám ở đâu khác ngoài Côrintô. Thánh Phaolô cũng có nói tới ông “*Erastos, quản lý kho bạc của thành phố*” giữa những người cộng tác với ngài tại thành Côrintô (Rm 16,23). Có thể Erastus và Erastos thuộc cùng một nhân vật, làm quản lý kho bạc, rồi sau đó vào 1 trong 4 ủy viên thành phố. Ông Erasto có thể thuộc người nô lệ được giải phóng và trở thành công dân tự do.

- **Dioclos (đường đá nối liền hai vịnh):** Con đường có bộ phận quay để nối liền hai cảng vịnh, và chuyển tải hàng hóa qua eo đất, từ biển này qua biển khác chứ không đi vòng nguy hiểm qua lối Péloponnèse. Thánh Phaolô có thể đi trên con đường đá này để đến cảng Cendrées trong chuyến hành trình thứ hai. Người ta cũng còn thấy vài vết tích cảng Cendrées thời thánh Phaolô ghé đến lấy thuyền đi về thành Êphêxô như cấu trúc, kho chứa hàng và một đền đài thờ thần Isis được cải tạo thành một thánh đường.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ các tông đồ 18,12-17

Thời ông Galion làm thống đốc tỉnh Akhaia, người Do Thái nhất tề nổi dậy chống ông Phaolô; họ đưa ông ra toà và nói: “*Tên này xúi giục người ta tôn thờ Thiên Chúa trái với Lễ Luật.*” Ông Phaolô toan mở miệng, thì ông Galion đã nói với người Do Thái:

“Hỡi người Do Thái, giả như có gì là trái Luật hay phạm pháp, thì lẽ đương nhiên là tôi sẽ chịu khó nghe các ông. Nhưng đây lại là những chuyện tranh luận về giáo thuyết, danh từ, luật lệ riêng của các ông, thì các ông hãy tự xét lấy. Phần tôi, tôi không muốn xét xử những điều ấy.” Rồi ông đuổi họ ra khỏi toà án. Mọi người liền túm lấy ông Xốtthê-nê, trưởng hội đường, mà đánh túi bụi ngay trước toà án. Nhưng ông Galion chẳng bận tâm gì về việc này.

Trên những đồ nát của hí viện, hay tại chợ, lấy những đoạn thư gửi giáo đoàn Côrintô

Thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô 9,19-23

Phải, tôi là một người tự do, không lệ thuộc vào ai, nhưng tôi đã trở thành nô lệ của mọi người, hầu chinh phục thêm được nhiều người. Với người Do Thái, tôi đã trở nên Do Thái, để chinh phục người Do Thái. Với những ai sống theo Lễ Luật, tôi đã trở nên người sống theo Lễ Luật, dù không còn phải sống theo Lễ Luật nữa, để chinh phục những người sống theo Lễ Luật. Đối với những kẻ sống ngoài Lễ Luật, tôi đã trở nên người sống ngoài Lễ Luật, dù tôi không sống ngoài luật Thiên Chúa, nhưng sống trong luật Đức Kitô, để chinh phục những người sống ngoài Lễ Luật. Tôi đã trở nên yếu với những người yếu, để chinh phục những người yếu. Tôi đã trở nên tất cả cho mọi người, để bằng mọi cách cứu được một số người. Vì Tin Mừng, tôi làm tất cả những điều đó, để cùng được thông chia phần phúc của Tin Mừng.

Thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô 13,1-13

Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm choẹ xoang xoảng. Giả như

tôi được ơn nói tiên tri, và được biết hết mọi điều bí nhiệm, mọi lẽ cao siêu, hay có được tất cả đức tin đến chuyển núi dời non, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng là gì. Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi. Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả.⁸ Đức mến không bao giờ mất được. Ơn nói tiên tri ư? Cũng chỉ nhất thời. Nói các tiếng lạ chẳng? Có ngày sẽ hết. Ơn hiểu biết ư? Rồi cũng chẳng còn. Vì chung sự hiểu biết thì có ngần, ơn nói tiên tri cũng có hạn. Khi cái hoàn hảo tới, thì cái có ngần có hạn sẽ biến đi. Cũng như khi tôi còn là trẻ con, tôi nói năng như trẻ con, hiểu biết như trẻ con, suy nghĩ như trẻ con; nhưng khi tôi đã thành người lớn, thì tôi bỏ tất cả những gì là trẻ con. Bây giờ chúng ta thấy mờ mờ như trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt. Bây giờ tôi biết chỉ có ngần có hạn, mai sau tôi sẽ được biết hết, như Thiên Chúa biết tôi. Hiện nay đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại, nhưng cao trọng hơn cả là đức mến.

NUỚC ÍTRAEN

Thánh Phaolô, người Do Thái và làm nhiều cuộc hành trình, nhưng dường như thánh nhân không đi thăm viếng vùng Giuđê, Samarie và Galilê. Trong cuộc đời truyền giáo lúc ban đầu thánh nhân hoàn toàn hướng về phần đất dân ngoại với một ít người kiều cư Do Thái. Những vùng đất Do Thái trở nên nơi sứ vụ của các tông đồ như Phêrô, Gioan, Philipphê... Dầu sao thánh nhân cũng giữ mối liên kết với Giáo hội tại thành Giêrusalem. Ngài đến nhiều lần nơi đó nhưng không ở lại lâu, cho dù có bà con trong thành phố như người cháu được ghi trong Công vụ tông đồ 23,16: *“Nhưng người con trai của bà chị ông Phaolô nghe biết âm mưu đó, liền đến đồn và vào báo tin cho ông Phaolô”*. Thánh Phaolô cũng đi học tại thành Giêrusalem lúc thời con trẻ, và cũng ở thành Césarée như tù nhân.

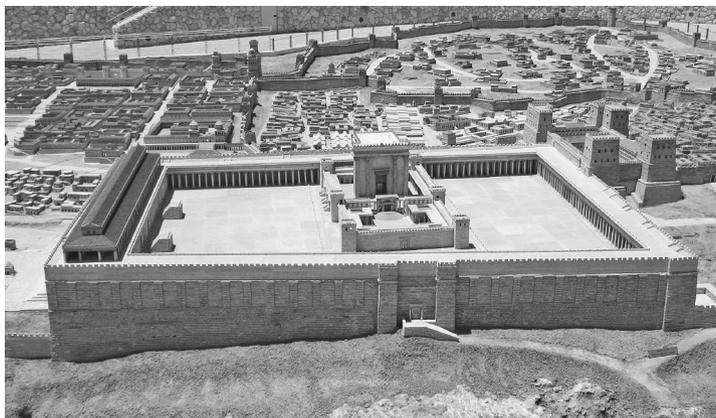
Thành Giêrusalem: Trung tâm thế giới Do Thái

Thời thánh Phaolô, thành Giêrusalem được coi như thành phố mới. Trước đó nửa thế kỷ, Hêrôđê đại đế đã tân trang thành phố với nhiều công trình vĩ đại: pháo đài Antonia bảo vệ Đền thánh, và một pháo đài khác coi như dinh thự nhà vua và bảo vệ tường thành phía tây; Đền thờ hoàn toàn xây cất mới (nhưng chưa hoàn tất, và chỉ xong vào năm 66) với đá hoa cương. Thành Giêrusalem đối với người Do Thái là thành phố phải đến hành hương. Họ đi bộ lên ngọn đồi cao 1000m, và trong ánh nắng lẽ Vượt qua được nhìn ngắm đá vàng bức tường thành, đền đài, và những cửa Đền thờ... Một trung tâm duy nhất của tôn giáo.

Chung quanh Đền thờ còn có những ngôi nhà được xây cất theo phong cách Hy Lạp với đá ghép, và một phòng rộng lớn để đón khách. Ngoài ra còn có những nhà tắm theo nghi thức thanh

tây cho biết thuộc Do Thái giáo. Những con đường luôn luôn náo nhiệt với hàng quán, quán trọ sống nhờ vào khách hành hương, buôn bán của lễ cho việc hiến tế như hương, chim bồ câu...

Đền thờ thứ hai do Hêrôđê xây cất



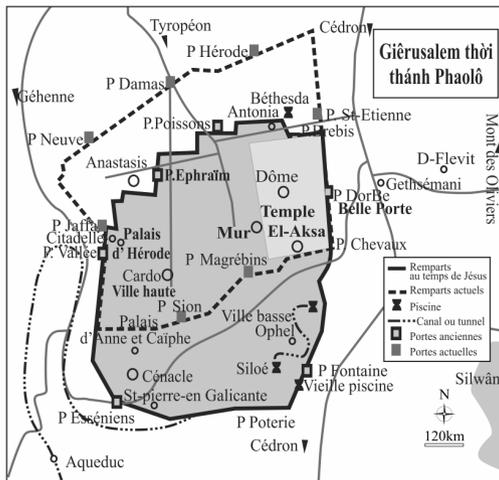
Đức Giêsu bị đóng đinh ngoài thành Giêrusalem nơi gọi Golgotha (Núi sọ) và được chôn cất gần đó trong một hốc đá. Kitô hữu tiên khởi không để ý nhiều lắm với những nơi thánh, vì ngay chính họ cũng không có chỗ để tụ họp. Chỉ bắt đầu vào thế kỷ thứ III mới bắt đầu xây cất những thánh đường đầu tiên. Từ thế kỷ thứ IV và dưới triều đại hoàng đế Constantin (306-337) người ta mới bắt đầu đi tìm những nơi Đức Giêsu đi qua và đã sống chết nơi nào đó.

Thánh Phaolô tại thành Giêrusalem

Theo Công vụ các tông đồ, thánh Phaolô đã theo học thời trai trẻ tại thành Giêrusalem với rabbi Gamaliel. Rabbi có nghĩa người giỏi về Kinh Thánh. Các rabbi nắm cộng đoàn như ngày nay chỉ xuất hiện sau năm 70 khi Đền thờ bị phá hủy, và Do Thái giáo tái lập theo phong trào Pharisêu với hội đường.

Thánh Phaolô thấm nhuần văn hóa Hy Lạp, và các thư ngài viết mang ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp nhiều hơn là Do Thái. Thế nhưng, thành Giêrusalem thời bấy giờ cũng thấm tràn văn hóa Hy Lạp đến từ dòng họ Hêrôđê cũng như người La Mã, và nhất là một số người Do Thái mang nguồn gốc đến từ các thành thị Hy Lạp. Có những hội đường dành cho người Do Thái nói tiếng Hy Lạp, và đọc Kinh thánh theo bản LXX như trường hợp thánh Phaolô và ông Têphanô.

Thánh Phaolô có tham gia vào việc ném đá ông Têphanô cho đến chết vào khoảng năm 34, cho biết ngài thuộc thành phần năng động trong phong trào Pharisêu ở thành Giêrusalem. Thánh Phaolô còn trở lại thành Giêrusalem một thời gian ngắn sau khi được ơn trở lại. Thánh Phaolô lại đến gặp hai ông Phêrô và Giacôbê ba năm sau vào khoảng năm 38. Sau đó, ngài có thể trở lại thêm hai lần: năm 52-53 trong cuộc họp tại Giêrusalem bàn về việc đón nhận người ngoại giáo vô Kitô giáo; năm 55 và 58 khi mang số tiền quyên góp nơi các cộng đoàn mới cho cộng đoàn Giêrusalem. Thánh Phaolô bị bắt tại Đền thờ, kết tội để cho đệ tử Trophime thành Êphêxô (một người ngoại trở lại Kitô giáo) đi vào nơi dành cho người Do Thái.



Những nơi thăm viếng

- **Đền thờ Giêrusalem:** Đền thờ thứ ba được Hêrôđê cho xây lại nguy nga giống như đền thờ Salomon. Công việc bắt đầu vào năm 20 trước công nguyên và chỉ xong phần cơ bản khoảng mười năm sau. Các phần khác hoàn tất vào năm 63. Đền thờ do Hêrôđê trùng tu lộng lẫy tọa lạc giữa một té đàn rộng 144.000 thước vuông, gồm có ba phần: hành lang (người dân ngoại không được bước qua khỏi nơi này để đi vào bên trong); sân đền thờ và đền thờ. Những dãy hành lang rất đẹp vây quanh đền thờ. Đáng kể nhất dãy hành lang phía nam gọi hoàng trụ quan và hành lang phía đông cũng gọi hành lang vua Salomon (*Ga 10,22; Cv 3,11*).

Đền thờ, nơi có hiện diện của Thiên Chúa, nên việc lui tới có những quy định khắt khe. Một thang 12 bậc dẫn tới nội điện. Nội điện gồm có tiền đường, nơi thánh và nơi cực thánh.

❖ Cửa hay tiền sảnh, tiền đường (*tiếng Hípri = Nulâm*), giống như một khối hoàn môn, rộng 50m, cao 50m, có một cửa lớn, trên cửa có một phượng hoàng bằng vàng. Tiền đường hay sân chur dân, tất cả mọi người đều có thể lui tới, phía trong sân có một hành lang giới hạn và người ngoại giáo không được phép vượt qua với một tấm biển ghi bằng tiếng La tinh và tiếng Hy Lạp: “*cấm người lạ vượt qua hàng rào và đi vào cung thánh. Ai phạm luật sẽ tự mình lãnh nhận trách nhiệm với cái chết tiếp nối*”.

❖ Qua sân chur dân, lên mấy bậc thang tới sân trong, chung quanh có tường dày bao bọc, đến “*Hékal = nơi thánh*” dài 20m, rộng 10m, cao 10m, ở giữa nơi thánh có bàn thờ dâng hương bằng vàng, hai bên bàn thờ dâng hương về mạn bắc có bàn thờ dâng bánh và phía nam có cây đèn bảy ngọn. Một bức màn lớn ngăn tiền đường và nơi thánh. Theo luật, chỉ có các tư tế trong khi làm

việc phụng tự mới được vào nơi thánh. Sân trong chia làm ba khu: sân phụ nữ, các bà không được vượt qua sân này; sân Ítraen dành cho người Do Thái, vào giờ phụng vụ nhất định họ đến đây để cầu nguyện và tham dự nghi lễ hiến tế; sân dành cho các tư tế ở đó có bàn thờ toàn thiêu. Toàn thiêu là một hình thức trên đó vật hiến tế được hoàn toàn thiêu hủy để diễn đạt ý nghĩa ân huệ. Trên một tế đàn rộng lớn mỗi chiều 25m và cao 7m50, người ta tế sát buổi sáng và chiều một con chiên làm lễ tế muôn đời và nhiều hiến tế riêng tư khác. Trước khi ăn chiên Vượt Qua ở gia đình, người ta đem đến đây sát tế. Từ khi đền thờ bị phá hủy vào năm 70, người ta cử hành lễ Vượt Qua không có chiên. Trên sân đền thờ còn có một số phòng để cất dụng cụ.

❖ “Debir = nơi Cực thánh”, một gian hình lập phương mỗi bề 10m để trống, có trướng phủ, trước đây có để Hòm bia Giao ước và gậy ông Aharon. Sau lưu đày, thay vì hòm bia Giao ước là một tấm đá, và trên đó thượng tế đặt bình hương ngày lễ Kippour (đền tội). Chỉ có thượng tế mỗi năm một lần mới được vào nơi Cực Thánh nhân ngày lễ Kippour⁷. Nơi Cực Thánh được ngăn chia với nơi Thánh bằng một tấm màn đôi. (*Các Tin mừng Nhất lãm cho biết khi Đức Giêsu chết, tấm màn trong đền thờ bị xé làm đôi* (Mc 15,38; Mt 27,51 và Lc 23,45).

Đền thờ là trung tâm tôn giáo, trung tâm chính trị với Hội đồng công tọa và kinh tế cho cả nước với đủ mọi hình thức sinh hoạt. Thế

⁷ Mồng mười tháng Tishri có lễ Đền tội. Lễ có tính cách sám hối và kiêng việc xác. Người Ítraen phải ăn chay và trong đền thờ vị Thượng tế dâng nhiều lễ vật để xin Chúa tha tội. Vào dịp này, vị Thượng tế vào nơi Cực Thánh xông hương và lấy máu bò và dê rảy trên hòm bia. Nghi lễ đó có mục đích tái lập hợp nhất giữa Thiên Chúa và dân Người mà tội lỗi đã làm gián đoạn hay thương tổn. Rồi vị Thượng tế giơ tay trên đầu một con dê, xưng các tội dân và đuổi nó ra sa mạc.

nhưng Đền thờ bị thiêu hủy vào đêm 29/8/70 trong cuộc chiến Do Thái lần thứ nhất, và được lấp đất lại dưới triều hoàng đế Hadrien vào năm 135 khi người Do Thái cuộc nổi dậy lần thứ hai. Hoàng đế Hadrien quyết định xây cất trên đó một cư xá La Mã mang tên “Colonia Aelia Capitolina”. Tuy nhiên, bãi đất được gọi “những đền thờ Hôi giáo” được chiêm ngắm ngày nay với lối kiến trúc đặc trưng Hôi giáo giống như “nóc vòm Hòn đá = Dôme” và “đền thờ Hôi giáo al-Aqsa” cho thấy được tỷ lệ Đền thờ Giêrusalem.

Ngày nay Đền thờ Giêrusalem chỉ còn lại vết tích 100m (trên 485m) chân bức tường phía tây mang tên “bức tường than khóc”. Tiếng Hípri “Kotel = bức tường”. Bảy lớp gạch đá phía dưới đến từ thời Hêrôđê, còn những phần khác thêm vào nhiều thời kỳ khác nhau. Một vài vết tích khác đến từ thời Hêrôđê: cầu thang lớn phía nam dẫn lên mặt chính Đền thờ, trang hoàng một hàng hiên để vương bao gồm ba dãy cột. Ở dưới, trước khi vào Đền thờ, khách hành hương thanh tẩy với nước đến từ các bể chứa nước được đào sâu dưới một chỗ rộng rãi. Phía tây, những vòm cầu lán sang những con đường dọc theo bức tường phía tây, giúp dẫn vào Đền thờ bằng với những cửa phụ.

Bức tường than khóc



- **Pháo đài Antonia:** Pháo đài bị phá hủy vào năm 70, và hoàng đế Hadrien cho xây cất vào năm 135 một nghị trường mà người ta tìm thấy lại một tấm lát (Lithostrotos). Trên đó mang những hình vẽ về những trò chơi được giải thích một cách sai lệch thời bấy giờ giống như trường hợp quân lính La Mã canh gác Đức Giêsu. Từ thời Trung cổ, pháo đài được coi như nơi pháp đình của ông Philatô, nơi Đức Giêsu bị điệu ra tòa án La Mã. Tu viện “Ecco Homo” được xây cất vào thế kỷ thứ XIX. Đứng ra vị tổng trấn cư ngụ tại hoàng cung Hêrôđê phía bên kia thành phố. Vì thế có thể Đức Giêsu bị đưa ra tòa án tại nơi đó, nhưng tại mảnh đất có pháo đài Antonia có thể nghĩ tới nơi thánh Phaolô bị cầm tù.

- **Thánh Têphanô:** Từ thời Trung cổ, sau nhiều cuộc tranh luận, người ta tìm thấy nơi ông Têphanô bị ném đá vào năm 34 năm ở phía bắc cửa Đamát. Thánh Phaolô đã tham gia vào cuộc ném đá trên. Thánh đường hiện tại được xây cất vào năm 1900, nhưng nền tảng đến từ thời Byzantine, và trong đó có di tích thánh Têphanô khám phá từ năm 415 gần Beth Shémesh, cách thành Giêrusalem 30km về phía tây. Ngày nay thuộc tu viện Đa minh của người Pháp. Tại đây vào năm 1890 được xây dựng “Trường Kinh thánh Giêrusalem”, nổi tiếng thế giới về khảo cổ học và chú giải Kinh thánh.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 21,26-23,22

Bấy giờ ông Phaolô đem bốn người kia theo, và ngày hôm sau ông cùng làm nghi lễ tẩy ứê với họ. Rồi ông vào Đền Thờ và loan báo ngày kết thúc thời gian tẩy ứê, là ngày phải dâng lễ vật cầu cho mỗi người trong nhóm họ. Khi sắp hết thời gian bấy ngày,

những người Do Thái từ Axia đến thấy ông trong Đền Thờ thì sách động toàn thể đám đông và tra tay bắt ông. Họ tri hô: “Hỡi đồng bào Ítraen, giúp một tay nào! Nó kia kia, tên vẫn đi mọi nơi dạy cho mọi người những điều phản dân, phạm đến Lê Luật và Nơi Thánh này! Nó còn đem cả mấy người Hy Lạp vào Đền Thờ mà làm cho Nơi Thánh này ra ô ւế.” Họ nói thế là vì trước đó họ đã thấy ông Trôphimô, người Êphêxô, cùng đi với ông Phaolô trong thành, và họ nghĩ ông Phaolô đã đưa ông ấy vào Đền Thờ. Cả thành phổ sôi động và dân đổ xô đến. Họ túm lấy ông Phaolô, lôi ra khỏi Đền Thờ; lập tức người ta đóng các cửa Đền Thờ lại. Họ còn đang tìm cách giết ông, thì có tin báo lên cho vị chỉ huy cơ đội: “Cả Giêrusalem náo động!” Lập tức, ông ta huy động một số binh sĩ và đại đội trưởng, và xông vào đám đông. Vừa thấy vị chỉ huy và binh sĩ, thì họ thôi không đánh ông Phaolô nữa. Bấy giờ vị chỉ huy lại gần, bắt ông và ra lệnh lấy hai cái xiềng còng ông lại, rồi hỏi cho biết ông là ai và đã làm gì. Đám đông la hét, kẻ thế này, người thế nọ. Vì quá ồn ào, vị chỉ huy không thể biết được điều gì chắc chắn, nên mới ra lệnh đem ông Phaolô về đồn. Khi đến bậc thềm, binh sĩ phải khiêng ông đi, vì đám đông quá hung bạo. Dân cứ theo sau cả đám mà hò la: “Giết nó đi!” Khi sắp bị đem vào đồn, ông Phaolô nói với vị chỉ huy: “Tôi có được phép nói với ông một lời chẳng?” Ông này đáp: “Ông biết tiếng Hy Lạp à? Vậy ra ông không phải là tên Ai Cập, trước đây ít lâu, đã xúi bốn ngàn tên khùng bớ nổi loạn và dẫn chúng vào sa mạc hay sao?” Ông Phaolô nói: “Tôi đây là người Do Thái, quê ở Tácxô miền Kilikia, công dân một thành không phải là không có tiếng tăm. Xin ông cho phép tôi ngỏ lời với dân.” Được vị chỉ huy cho phép, ông Phaolô đứng trên bậc thềm giơ tay làm hiệu cho dân. Mọi người im phăng phắc; ông Phaolô nói với họ bằng tiếng Hipri:

“Thưa quý vị là những bậc cha anh, xin nghe những lời biện bạch tôi nói với quý vị bây giờ đây.” Khi nghe thấy ông nói với họ bằng tiếng Hípri, họ càng yên lặng hơn. Ông nói tiếp: “Tôi là người Do Thái, sinh ở Tácxô miền Kilikia, nhưng tôi đã được nuôi dưỡng tại thành này; dưới chân ông Gamaliên, tôi đã được giáo dục để giữ Luật cha ông một cách nghiêm ngặt. Tôi cũng đã nhiệt thành phục vụ Thiên Chúa như tất cả các ông hiện nay. Tôi đã bắt bớ Đạo này, không ngần ngại giết kẻ theo Đạo, đã đóng xiềng và tống ngục cả đàn ông lẫn đàn bà, như cả vị thượng tế lẫn toàn thể hội đồng kỳ mục có thể làm chứng cho tôi. Tôi còn được các vị ấy cho thư giới thiệu với anh em ở Đamát, và tôi đi để bắt trói những người ở đó, giải về Giêrusalem trừng trị.

“Đang khi tôi đi đường và đến gần Đamát, thì vào khoảng trưa, bỗng nhiên có một luồng ánh sáng chói lọi từ trời chiếu xuống bao phủ lấy tôi. Tôi ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với tôi: “Saun, Saun, tại sao ngươi bắt bớ Ta? Tôi đáp: “Thưa Ngài, Ngài là ai? Người nói với tôi: “Ta là Giêsu Nadarét mà ngươi đang bắt bớ. Những người cùng đi với tôi trông thấy có ánh sáng, nhưng không nghe thấy tiếng Đấng đang nói với tôi. Tôi nói: “Lạy Chúa, con phải làm gì? Chúa bảo tôi: “Hãy đứng dậy, đi vào Đamát, ở đó người ta sẽ nói cho anh biết tất cả những gì Thiên Chúa đã chỉ định cho anh phải làm. Vì ánh sáng chói loà kia làm cho tôi không còn trông thấy nữa, nên tôi đã được các bạn đồng hành cầm tay dắt vào Đamát.

“Ở đó, có ông Khanania, một người sùng đạo, sống theo Lê Luật và được mọi người Do Thái ở Đamát chứng nhận là tốt. Ông đến, đứng bên tôi và nói: “Anh Saun, anh thấy lại đi! Ngay lúc đó, tôi thấy lại được và nhìn ông. Ông nói: “Thiên Chúa của cha

ông chúng ta đã chọn anh để anh được biết ý muốn của Người, được thấy Đấng Công Chính và nghe tiếng từ miệng Đấng ấy phán ra. Quả vậy, anh sẽ làm chứng nhân cho Đấng ấy trước mặt mọi người về các điều anh đã thấy và đã nghe. Vậy bây giờ anh còn chần chừ gì nữa? Anh hãy đứng lên, chịu phép rửa và thanh tẩy mình cho sạch tội lỗi, miệng kêu cầu danh Người.

“Khi trở về Giêrusalem, đang lúc tôi cầu nguyện trong Đền Thờ, thì tôi xuất thần và thấy Chúa bảo tôi: “Mau lên, hãy rời khỏi Giêrusalem gấp, vì chúng sẽ không nhận lời anh làm chứng về Thầy đâu. Tôi thưa: “Lạy Chúa, chính họ biết rõ con đây đã đến từng hội đường bắt giam và đánh đòn những kẻ tin Chúa. Khi người ta đổ máu ông Têphanô, chứng nhân của Chúa, thì chính con cũng có mặt, con tán thành và giữ áo cho những kẻ giết ông ấy. Chúa bảo tôi: “Hãy đi, vì Thầy sẽ sai anh đến với các dân ngoại ở phương xa.

Đám đông lắng nghe ông Phaolô nói tới đó thì hét lên: “Hãy bứng khỏi mặt đất loại người như thế! Nó không đáng sống!” Họ hò la, phát áo và tung bụi lên trời. Vị chỉ huy cơ đội ra lệnh đem ông Phaolô vào đồn và truyền đánh đòn tra tấn, để biết lý do tại sao người ta hò hét phản đối ông ấy như vậy. Họ vừa nọc ông Phaolô ra để đánh đòn, thì ông nói với viên đại đội trưởng đứng gần đó: “Một công dân Rôma chưa được xét xử, các ông có được phép đánh đòn không?” Nghe vậy, viên đại đội trưởng đi báo cáo cho vị chỉ huy rằng: “Ông định làm gì bây giờ? Đương sự là công dân Rôma!” Vị chỉ huy liền đến gặp ông Phaolô và hỏi: “Ông nói cho tôi biết: ông là công dân Rôma sao? “Ông Phaolô trả lời: “Phải.” Vị chỉ huy nói tiếp: “Tôi đây, tôi phải tốn bao nhiêu tiền của mới mua được quyền công dân ấy.” Ông Phaolô đáp: “Còn

tôi, sinh ra đã có quyền ấy rồi.” Lập tức những người sắp tra tấn ông rút lui, còn vị chỉ huy thì phát sợ, vì biết rằng ông Phaolô là công dân Rôma mà mình lại đã còng ông ấy.

Hôm sau, vì muốn biết chắc chắn người Do Thái tố cáo ông Phaolô về điều gì, vị chỉ huy tháo xiềng cho ông và ra lệnh cho các thượng tế và toàn thể Thượng Hội Đồng họp lại, rồi ông đưa ông Phaolô từ đồn xuống, để ra trước mặt họ.

Ông Phaolô nhìn thẳng vào Thượng Hội Đồng rồi nói: “Thưa anh em, cho đến ngày hôm nay, tôi đã ăn ở trước mặt Thiên Chúa với một lương tâm hoàn toàn ngay thẳng.” Nhưng thượng tế Khanania truyền cho những người phụ tá đánh vào miệng ông Phaolô. Bấy giờ ông Phaolô nói với ông ấy: “Bức tường tôi vói kia, Thiên Chúa sẽ đánh ông! Ông ngồi xử tôi chiếu theo Lề Luật, mà ông lại ra lệnh đánh tôi trái với Lề Luật!” Những người phụ tá nói: “Vị thượng tế của Thiên Chúa mà mi dám nguyện rửa sao?” Ông Phaolô trả lời: “Thưa anh em, tôi không biết đó là thượng tế; quá có lời chép: Người không được nguyện rửa người đầu mục trong dân.”

Ông Phaolô biết rằng một phần Thượng Hội Đồng thuộc phái Xadốc, còn phần kia thuộc phái Pharisêu, nên ông nói lớn tiếng giữa hội nghị: “Thưa anh em, tôi là người Pharisêu, thuộc dòng dõi Pharisêu; chính vì hy vọng rằng kẻ chết sẽ sống lại mà tôi bị đưa ra xét xử.” Ông vừa nói thế, thì người Pharisêu và người Xadốc chống đối nhau, khiến hội nghị chia rẽ. Thật vậy, người Xadốc chủ trương rằng chẳng có sự sống lại, chẳng có thiên sứ hay quỷ thần; còn người Pharisêu thì lại tin là có. Người ta la lối om sòm. Có mấy kinh sư thuộc phái Pharisêu đứng lên phản đối mạnh mẽ: “Chúng tôi không thấy người này có gì là xấu. Biết đâu

một vị thần hay một thiên sứ đã nói với ông ấy?” Hai bên chống đối gay gắt đến nỗi vị chỉ huy sợ người ta xé xác ông Phaolô, nên mới ra lệnh cho lính xuống lôi ông ra khỏi đám người đó mà đưa về đồn.

Đêm ấy Chúa đến bên ông Phaolô và nói: “Hãy vững lòng! Con đã long trọng làm chứng cho Thầy ở Giêrusalem thế nào, thì con cũng phải làm chứng như vậy tại Rôma nữa.”

Sáng ngày ra, người Do Thái âm mưu với nhau. Họ thề độc là sẽ không ăn không uống, bao lâu chưa giết được ông Phaolô. Có trên bốn mươi người đã cùng thề với nhau như vậy. Họ đến gặp các thượng tế và kỳ mục mà nói: “Chúng tôi đã thề độc là sẽ không ăn uống gì, bao lâu chưa giết được tên Phaolô. Vậy bây giờ xin quý vị, cùng với Thượng Hội Đồng, đề nghị vị chỉ huy cho dẫn nó xuống với quý vị, lấy cớ là để điều tra về nó cho cẩn kẽ hơn. Phần chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng giết nó trước khi nó tới.”

Nhưng người con trai của bà chị ông Phaolô nghe biết âm mưu đó, liền đến đồn và vào báo tin cho ông Phaolô. Ông Phaolô mời viên đại đội trưởng đến và nói: “Xin ông dẫn cháu này đến gặp vị chỉ huy, vì cháu có điều phải báo cáo cho ông ấy.” Vậy viên đại đội trưởng đem cậu bé đi theo, dẫn đến gặp vị chỉ huy mà trình rằng: “Tù nhân Phaolô đã mời tôi đến và xin tôi dẫn cậu này đến gặp ông; cậu ấy có điều phải nói với ông.” Vị chỉ huy nắm tay cậu bé, đưa riêng ra một nơi mà hỏi: “Em có điều gì phải báo cáo cho ta biết?” Cậu bé trả lời: “Người Do Thái đã đồng ý với nhau là sẽ xin ông ngày mai cho điệu ông Phaolô xuống Thượng Hội Đồng, lấy cớ là để tra hỏi cho cẩn kẽ hơn. Vậy xin ông đừng tin họ, vì có trên bốn mươi người trong bọn họ đang phục sẵn để hại ông ấy; họ đã thề độc là sẽ không ăn không uống, bao lâu chưa giết được

ông ấy. Hiện giờ họ sẵn sàng, chỉ còn chờ ông chấp thuận.” Vị chỉ huy cho cậu bé về và căn dặn: “Đừng nói với ai là em đã tiết lộ những chuyện đó cho ta.”

Thành Césarée: Thành phố của người La Mã

Hêrôđê thấy tại “Tour de Straton” một địa thế lý tưởng và ông đã xây cất một hải cảng và một thành phố mới. Từ năm 25 đến năm 12 trước công nguyên, một bến cảng đánh cá đã trở thành một thành phố với nhiều công trình, những con đường với những cột, đền đài và những công sự bảo vệ. Hêrôđê đã đặt tên “Césarée” đền ơn hoàng đế La Mã Jules César. Một hải cảng đẹp và quan trọng của Địa Trung hải về mạn phía đông. Từ biển khách có thể thấy những tháp bao quanh tường thành và cung điện hoàng gia được xây cất về phía nam bến cảng trên một mũi đá. Giống như tất cả thành phố Hy Lạp, những con đường chính viền quanh những hàng hiên với các cột và dẫn đến hí viện, giảng đường, sân thể thao... Một cầu máng còn lại vài đoạn gần biển, nằm phía bắc thành Césarée, dẫn nước đến từ núi Carmel. Hêrôđê còn cho xây cất một đền tôn kính hoàng đế Auguste, lớn bằng Đền thờ Giêrusalem, nhưng ngày này chỉ còn lại “một bụi danh dự” xây phẳng mặt.

Đến thời kỳ Byzantine, thành Césarée được nói rộng thêm 100ha. Những bức tường thành và những dinh thự để lại vết tích ngày nay chứng giám một tình trạng thu hẹp của thành phố khi Thập Tự quân đánh chiếm năm 1101. Quân Thập Tự chinh tàn sát dân thành. Thánh Louis cho xây cất những thành lũy bao bọc thành phố, nhưng cũng không chống giữ được quân Baibars vào năm 1265. Thành Césarée coi như bị bỏ rơi, và chỉ mới được đánh thức trở lại với các nhà khảo cổ. Một thánh đường, rồi đến một đền thờ

Hồi giáo, và một nhà thờ chánh tòa thay phiên nhau xây cất trên “bục danh dự”.

Thánh Phaolô tại thành Césarée

Thánh Phaolô đến thành Césarée khi Tin mừng đã được rao giảng với thầy phó tế Philipphê và thánh Phêrô. Ngài đã đến đây sau khi nhận được ơn trở lại trên đường Đamát. Thánh Phaolô trở lại khi trên đường trở về sau cuộc hành trình thứ hai (năm 52) và cuộc hành trình thứ ba năm 58. Từ đó, thánh nhân đi về thành Giêrusalem và bị bắt. Vài ngày sau, thánh Phaolô trở thành tù nhân và ở lại Césarée trong vòng hai năm (58-60). Thành Césarée là nơi cư trú và hành chánh của các quan tổng trấn, rồi đến quan thái thú (tước hiệu cho từ năm 46) miền Giuđê với những nhân vật được biết như: Phongxiô Philatô, và tên được ghi trên một tấm bảng tìm thấy gần hí viện Césarée. Ông nắm quyền tổng trấn từ năm 26 đến 37 công nguyên; rồi từ năm 49 đến khoảng năm 59 có quan thái thú Antonius Félix xử án thánh Phaolô, và kế tiếp đến người kế vị ông Porcius Festus (59-62). Thánh Phaolô bị xử án tại “pháp đình Hêrôđê” (Cv 23,35) tức dinh thự quan thủ hiến. Bình thường ông cư ngụ tại dinh thự hoàng gia đánh dấu quyền hành đã được sang tay.

Sau hai năm bị giam tại Césarée, thánh Phaolô được đưa về thành Rôma vào mùa thu năm 60 để được xử án tại Tòa án César.

Những nơi thăm viếng

- **Tổng hợp vị trí thời Cổ đại:** những vết tích thời La Mã gợi lại bản đồ hải cảng và thành phố với những dinh thự công cho biết chút ít về thành phố Césarée thời thánh Phaolô ghé đến và lưu lại. Khi đi dọc bờ biển giữa hải cảng và dinh thự, và khi ngắm những

vết tích những nhà tắm công cộng, hí viện, lấy những con đường mà chính thánh Phaolô cũng biết và đi qua.

- **Dinh thự hoàng gia:** Một dinh thự đẹp, xây cất trên hai bậc thềm lượn quanh biển là dinh thự hoàng gia, nằm phía nam thành phố trên một mũi đá. Bốn gian phòng phủ đầu đá ghép (mosaique) và một bể bơi nước ngọt với một bức tượng nằm ở giữa đều được coi đến từ thời Hêrôđê. Tất cả như vết tích còn lại của “pháp đình” nơi thánh Phaolô bị xử án.

- **Nguyện đường kho hàng:** Vào thập niên 1990, các nhà khảo cổ thuộc viện Đại học Haifa (Do Thái) khám phá ra vết tích một phòng được biến đổi thành nguyện đường Kitô giáo nơi tầng một kho chứa hàng xây cất vào thế kỷ VI. Kho hàng thuộc quần thể dinh thự hoàng gia, nhưng nằm dọc phía biển, cách pháp đình 100m về phía bắc. Người ta đi vào nơi một sân nhỏ. Một bàn bằng đá hoa cương, có thể là bàn thờ, với một cái tán che trên: có hai hàng cột nhỏ khoảng 2m nâng đỡ. Trên tường trang hoàng những thánh giá với đá quý đến từ thời Byzantine (thế kỷ VI). Trên thánh giá có ghi chữ A (Alpha) và chữ “Y” (Omêga), biểu trưng Chúa Kitô (Kh 1,8), và chữ “IC” có nghĩa Đức Giêsu, chữ “XC” có nghĩa Kitô. Ngoài ra còn có những vật dụng khác được tìm thấy như một con dấu với đường kính 10,4cm dùng đánh dấu những của lễ chúc tụng dâng kính Chúa Kitô và... thánh Phaolô. Thời bấy giờ, sau khi thánh lễ kết thúc, Kitô hữu nhận được một tấm bánh chúc tụng mang ra về khác với tấm bánh chung được chia sẻ trong lễ.

Sau năm thế kỷ, người ta vẫn còn kính nhớ đến thánh Phaolô trong một ký ức gần với nơi thanh nhân bị bắt giam.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ tông đồ 24,1-27,32

Năm ngày sau, thượng tế Khanania xuống Xêdarê cùng với một số kỳ mục và một trạng sư tên là Têctulô. Họ đến kiện ông Phaolô trước toà tổng trấn. Ông Phaolô bị gọi ra toà, và ông Têctulô bắt đầu tố cáo như sau: “Thưa ngài Phêlich đáng kính, nhờ ngài chúng tôi được sống trong cảnh thái bình; nhờ ngài ân cần săn sóc, dân tộc này được hưởng nhiều cái cách. Ở đâu và lúc nào chúng tôi cũng đón nhận những ân huệ ấy với tất cả lòng biết ơn. Nhưng để khỏi quấy rầy ngài thêm, chúng tôi sẽ trình bày vắn tắt vụ việc như sau, xin ngài nghe với tấm lòng khoan hậu sẵn có. Số là chúng tôi đã bắt gặp tên này, một thứ ôn dịch, chuyên gây bạo loạn giữa mọi người Do Thái trong thiên hạ, và là đầu sỏ phái Nadarét. Y còn mưu toan xúc phạm đến Đền Thờ, và chúng tôi đã bắt y. Chúng tôi muốn xử y chiếu theo Luật của chúng tôi, nhưng viên chỉ huy Lyxia đã can thiệp, dùng bạo lực mà giật y khỏi tay chúng tôi, và truyền cho những người tố cáo y phải đến trước toà ngài. Tra hỏi y, ngài sẽ có thể biết rõ về mọi điều chúng tôi tố cáo y.” Người Do Thái tán đồng và quả quyết là đúng như vậy.

Tổng trấn ra hiệu báo ông Phaolô nói, ông liền đáp: “Tôi biết rằng đã từ nhiều năm, ngài cảm cân nầy mực cho dân tộc này, nên tôi sung sướng biện hộ cho mình. Chính ngài có thể biết rõ: tôi lên Giêrusalem hành hương đến nay chưa quá mười hai ngày. Trong Đền Thờ, trong các hội đường cũng như trong thành phố, người ta đã không bắt gặp được tôi thảo luận với ai hay sách động đám đông. Họ cũng không thể đưa ra cho ngài bằng chứng về những điều bây giờ họ tố cáo tôi.

“Tuy nhiên, tôi xin công nhận với ngài điều này: tôi phụng thờ Thiên Chúa của cha ông chúng tôi theo Đạo mà họ gọi là bè phái; tôi tin mọi điều chép trong sách Luật Môsê và sách Các Ngôn Sứ. Tôi đặt nơi Thiên Chúa niềm hy vọng này, như chính họ cũng hy vọng, là người lành và kẻ dữ sẽ sống lại. Vì thế, cả tôi nữa, tôi cố gắng để trước mặt Thiên Chúa và người ta, lương tâm tôi không có gì đáng chê trách.

“Sau nhiều năm, tôi về Giêrusalem để đem tiền cứu trợ cho dân tộc tôi và để dâng lễ phẩm lên Thiên Chúa. Chính lúc đó họ bắt gặp tôi trong Đền Thờ, sau khi tôi làm nghi lễ tẩy uế, không có tụ tập đám đông, cũng không gây ồn ào chi cả. Có mấy người Do Thái từ Axia đến. Đáng lẽ họ phải ra trình diện với ngài mà tố cáo tôi, nếu như họ có điều gì chống tôi. Hoặc những người đang có mặt đây cứ nói xem: khi tôi ra trước Thượng Hội Đồng, họ đã tìm thấy điều gì phạm pháp? Phải chăng là lời duy nhất tôi đã hô lên khi đứng giữa họ: chính vì sự phục sinh của kẻ chết mà hôm nay tôi bị các ông đưa ra xét xử?”

Ông Phêlich là người biết rất chính xác về Đạo, ông hoãn vụ án lại và nói: “Khi nào viên chỉ huy Lyxia xuống, tôi sẽ xét vụ kiện của các người.” Ông truyền cho viên đại đội trưởng giam ông Phaolô, nhưng cho ông hưởng chế độ dễ dãi và không ngăn cấm thân nhân nào đến giúp đỡ ông.

Ít ngày sau, ông Phêlich cùng đến với vợ là bà Đoruxila, người Do Thái. Ông cho vời ông Phaolô đến và nghe ông nói về lòng tin vào Đức Kitô Giêsu. Nhưng khi ông Phaolô biện luận về đức công chính, sự tiết độ và cuộc phán xét mai sau, thì ông Phêlich phát sợ nên nói: “Bây giờ ông có thể lui ra. Khi nào tiện dịp, tôi sẽ cho gọi

ông đến.” Một trật, ông cũng hy vọng ông Phaolô dứt lốt; vì thế ông năng cho vời ông Phaolô đến nói chuyện.

Mãn hạn hai năm, ông Phêlich được ông Pokiô Phétô đến thay thế. Vì muốn được lòng người Do Thái, ông Phêlich cứ để ông Phaolô ở lại trong tù.

Ba ngày sau khi nhậm chức, tổng trấn Phétô từ Xêdarê lên Giêrusalem. Các thượng tế và thân hào Do Thái đến kiện ông Phaolô. Họ khẩn khoản xin tổng trấn một ân huệ để hại ông Phaolô, là đưa ông về Giêrusalem, vì họ đang chuẩn bị một cuộc mai phục để giết ông dọc đường. Nhưng ông Phétô đáp rằng ông Phaolô đang bị giam giữ ở Xêdarê, còn chính ông cũng sắp sửa về đó ngay. Ông lại thêm: “Những ai trong các ông có đủ tư cách, hãy cùng xuống đó với tôi, và nếu đương sự có gì sai trái thì cứ việc tố.”

Sau khi ở lại Giêrusalem không quá tám hay mười ngày, ông xuống Xêdarê. Hôm sau ông ra ngồi toà và truyền điệu ông Phaolô đến. Ông Phaolô vừa tới, thì những người Do Thái từ Giêrusalem xuống đã vây quanh ông: họ tố cáo ông nhiều tội, mà toàn là tội nặng, nhưng họ không thể minh chứng. Ông Phaolô tự biện hộ: “Tôi không có tội gì đối với Lễ Luật Do Thái, đối với Đền Thờ hay hoàng đế Xêda.” Ông Phétô muốn được lòng người Do Thái nên đề nghị với ông Phaolô: “Ông có muốn lên Giêrusalem để được xử tại đó trước mặt tôi về những lời tố cáo này không?” Nhưng ông Phaolô đáp: “Tôi đang đứng trước toà án của hoàng đế Xêda, tôi phải được xử tại đó. Tôi đã không làm gì hại người Do Thái, như chính ngài thừa biết. Nếu quả thật tôi có tội, nếu tôi đã làm điều gì đáng chết, thì tôi không xin tha chết. Nhưng nếu những điều tố cáo của các người này là vô căn cứ, thì không ai có quyền

nộp tôi cho họ. Tôi kháng cáo lên hoàng đế Xêda!” Bấy giờ ông Phétô bàn với hội đồng tư vấn, rồi trả lời: “Ông đã kháng cáo lên hoàng đế Xêda, thì ông sẽ lên hoàng đế Xêda.”

Ít ngày sau, vua Ácríp-pa và bà Bécnikê đến Xêdarê chào mừng ông Phétô. Vì hai người ở lại đó nhiều ngày, ông Phétô mới đem vụ ông Phaolô ra trình bày với nhà vua. Ông nói: “Ở đây có một người tù ông Phêlich để lại. Khi tôi tới Giêrusalem, các thượng tế và các kỳ mục Do Thái đến kiện và xin tôi kết án người ấy. Tôi đã trả lời họ rằng người Rôma không có lệ nộp bị cáo nào, trước khi đương sự ra đối chất với nguyên cáo, và được cơ hội biện hộ về lời tố cáo. Vậy họ cùng đến đây với tôi, và không chút trì hoãn, ngày hôm sau tôi ra ngồi toà và truyền điệu đương sự đến. Đứng quanh đương sự, các nguyên cáo đã không đưa ra một tội trạng nào như tôi tưởng. Họ chỉ tranh luận với ông ta về một số vấn đề liên quan đến tôn giáo riêng của họ, và liên quan đến một ông Giêsu nào đó đã chết, mà Phaolô quả quyết là vẫn sống. Phần tôi, phân vân trước cuộc tranh luận về những chuyện ấy, tôi hỏi xem ông ta có muốn đi Giêrusalem để được xử tại đó về vụ này không. Nhưng Phaolô đã kháng cáo, xin dành vụ này cho Thánh Thượng xét xử, nên tôi đã ra lệnh giữ ông ta lại cho đến khi giải lên hoàng đế.” Bấy giờ vua Ácríp-pa nói với ông Phétô: “Tôi cũng muốn được nghe ông ta nói.” Ông Phétô trả lời: “Ngày mai ngài sẽ được nghe.”

Vậy hôm sau vua Ácríp-pa và bà Bécnikê tiến vào công đường cách rất long trọng, cùng với các sĩ quan chỉ huy cơ đội và các người có chức vị trong thành phố. Theo lệnh của ông Phétô, người ta điệu ông Phaolô đến. Ông Phétô nói: “Kính thưa đức vua Ácríp-pa và toàn thể quý vị có mặt ở đây với chúng tôi, quý

vị thấy người này: Toàn thể cộng đồng Do Thái đã đến gặp tôi, ở Giêrusalem cũng như ở đây, về việc của đương sự. Họ la lên rằng đương sự không được phép sống nữa. Phần tôi, tôi không thấy đương sự đã làm gì đáng chết; nhưng vì chính đương sự đã kháng cáo lên thánh thượng, nên tôi đã quyết định giải về kinh. Về vụ của đương sự, tôi không có gì chắc chắn để tâu lên chúa thượng. Vì thế tôi đã đưa đương sự ra trình diện quý vị, và nhất là ngài, kính thưa đức vua Ácrippa, để sau lần tra hỏi này, tôi sẽ có gì để tâu. Vì thiết tưởng giải tù nhân lên, mà không nói rõ đương sự bị tố cáo về những tội gì, thì thật là vô lý.”

Vua Ácrippa nói với ông Phaolô: “Ông được phép tự bào chữa.” Ông Phaolô bèn giơ tay ra tự biện hộ:

“Kính thưa đức vua Ácrippa, tôi lấy làm sung sướng vì hôm nay sắp được tự biện hộ trước mặt ngài, về mọi điều người Do Thái tố cáo tôi, nhất là vì ngài am hiểu tất cả những tục lệ và những chuyện tranh luận giữa người Do Thái. Bởi thế, xin ngài kiên nhẫn nghe tôi nói.

“Tôi đã sống như thế nào từ hồi niên thiếu, ngay từ đầu, giữa dân tộc tôi và tại Giêrusalem, điều đó mọi người Do Thái đều rõ. Từ lâu họ đã biết, và nếu muốn, họ có thể làm chứng rằng tôi đã sống theo phái nghiêm nhặt nhất trong tôn giáo chúng tôi, tức là phái Pharisêu. Và giờ đây tôi bị đưa ra toà chính là vì hy vọng điều Thiên Chúa đã hứa cho cha ông chúng tôi. Mười hai chi tộc chúng tôi ngày đêm kiên trì thờ phượng Chúa, hy vọng thấy lời hứa ấy được thực hiện. Kính thưa đức vua, chính vì niềm hy vọng đó mà tôi bị người Do Thái tố cáo. Sao trong quý vị lại có người cho rằng việc Thiên Chúa làm cho kẻ chết sống lại là chuyện không thể tin được?

“Về phần tôi, trước kia tôi nghĩ rằng phải dùng mọi cách để chống lại danh Giêsu người Nadarét. Đó là điều tôi đã làm tại Giêrusalem. Được các thượng tế uỷ quyền, chính tôi đã bỏ tù nhiều người trong dân thánh; và khi họ bị xử tử, tôi đã bỏ phiếu tán thành. Nhiều lần tôi đã rảo khắp các hội đường, dùng cực hình cưỡng bức họ phải nói lộng ngôn. Tôi đã giận dữ quá mức đến nỗi sang cả các thành nước ngoài mà bắt bớ họ.

“Thế là sau khi được các thượng tế trao quyền và uỷ nhiệm, tôi lên đường đi Đamát. Kính thưa đức vua, đang khi đi đường, vào lúc trưa, tôi đã thấy một luồng ánh sáng chói lọi hơn mặt trời, từ trời chiếu toả xuống chung quanh tôi và các bạn đồng hành. Tất cả chúng tôi đều ngã nhào xuống đất, và tôi nghe có tiếng nói với tôi bằng tiếng Hípri: “Saun, Saun, tại sao ngươi bắt bớ Ta? Đá lại mũi nhọn thì khôn cho ngươi! Tôi hỏi: “Thưa Ngài, Ngài là ai? Chúa đáp: “Ta là Giêsu mà ngươi đang bắt bớ. Nhưng ngươi hãy chỗi dậy, đứng thẳng lên. Ta hiện ra với ngươi là để chọn ngươi làm đầy tớ và làm chứng nhân về những điều ngươi đã thấy, cũng như những điều Ta sẽ hiện ra mà tỏ cho ngươi biết. Ta sẽ cứu ngươi thoát khỏi tay dân Do Thái và các dân ngoại: Ta sai ngươi đến với chúng để mở mắt cho chúng, khiến chúng rời bóng tối mà trở về cùng ánh sáng, thoát khỏi quyền lực Xatan mà trở về cùng Thiên Chúa. Như vậy, nhờ tin vào Ta, chúng sẽ được ơn tha tội và được hưởng phần gia tài cùng với các người đã được thánh hiến.”

“Từ đó, kính thưa đức vua Acrípapa, tôi đã không cưỡng lại thị kiến bởi trời. Trái lại, tôi đã rao giảng trước hết cho những người ở Đamát, rồi cho những người ở Giêrusalem và trong khắp miền Giuđê, sau đó cho các dân ngoại, kêu gọi họ sám hối và trở về cùng Thiên Chúa, đồng thời làm những việc chứng tỏ lòng ăn

năn sám hối. Chính vì thế, người Do Thái đã bắt tôi khi tôi đang ở trong Đền Thờ và tìm cách giết tôi. Được Thiên Chúa phù hộ, cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn tiếp tục làm chứng trước mặt kẻ nhỏ cũng như kẻ lớn; tôi không nói gì khác ngoài những điều các ngôn sứ và ông Môsê đã báo trước sẽ xảy ra, đó là: Đấng Kitô sẽ chịu đau khổ và là người đầu tiên sống lại từ cõi chết, để loan báo ánh sáng cho dân Do Thái cũng như cho các dân ngoại.”

Ông Phaolô còn đang tự biện hộ như thế, thì ông Phếtô lớn tiếng nói: “Ông Phaolô, ông điên mất rồi! Ông hay chữ quá nên hoá điên!” Ông Phaolô đáp: “Thưa ngài Phếtô đáng kính, tôi không điên đâu, nhưng tôi nói lên những điều hợp với sự thật và lẽ phải. Quả thế, đức vua biết rõ những điều ấy, và tôi mạnh dạn nói với người: tôi tin chắc rằng trong các điều ấy, không có gì mà người không biết, vì chuyện này đã không xảy ra ở một xứ nào đó. Kính thưa đức vua Ácrippa, chắc là ngài tin các ngôn sứ? Tôi biết là ngài tin.” Vua Ácrippa nói với ông Phaolô: “Chút nữa là ông thuyết phục được tôi trở thành Kitô hữu rồi đấy!” Ông Phaolô trả lời: “Chút nữa hay nhiều nữa, thì tôi cũng xin Thiên Chúa cho, không những ngài, mà hết mọi người đang nghe tôi nói hôm nay, được trở nên giống như tôi, trừ ra những xiềng xích này!”

Bấy giờ nhà vua, ông tổng trấn, bà Bécnikê và cử toạ đứng dậy. Khi ra về, họ nói với nhau: “Người này không làm chi đáng chết hay đáng bị tù.” Vua Ácrippa nói với ông Phếtô: “Đáng lẽ người này có thể được thả ra, nếu đã chẳng kháng cáo lên hoàng đế Xêda.”

Khi có quyết định cho chúng tôi đáp tàu sang Italia, người ta giao ông Phaolô và mấy tù nhân khác cho một đại đội trưởng tên là Giuliô, thuộc cơ đội Augútta. Chúng tôi xuống một chiếc tàu của thành Átramiytion, sắp nhổ neo đi các cảng miền Axia và

chúng tôi ra khơi. Cùng đi với chúng tôi có anh Aríttakhô, một người Makêđônia quê Thêxalônica. Hôm sau, chúng tôi cập bến Xidôn; ông Giuliô xử nhân đạo với ông Phaolô, cho phép ông đi thăm bạn hữu và để họ săn sóc ông. Từ đó, chúng tôi lại ra khơi và đi vòng theo đảo Sýp, vì gió ngược. Rồi chúng tôi vượt qua biển Kilikia và Pamphylia và tới Myra miền Lykia. Ở đây, viên đại đội trưởng tìm được một chiếc tàu của thành Alêxanria sắp đi Italia, nên ông cho chúng tôi sang tàu đó.

Trong vòng nhiều ngày, tàu đi chậm, và vất vả lắm chúng tôi mới đến ngang Coniđô. Vì không thuận gió, chúng tôi đi vòng theo đảo Corêta, hướng về phía mũi Xanmônê. Chúng tôi vất vả đi men theo mũi đó đến một nơi gọi là Bến Lành, gần đó có thành Laxaia.

Chúng tôi đã mất khá nhiều thời gian, và việc đi biển từ nay thật nguy hiểm, vì ngày ăn chay đã qua rồi. Ông Phaolô khuyên họ: “Thưa các bạn, tôi thấy rằng chuyến đi biển này sẽ gây nhiều thiệt hại và mất mát, chẳng những cho hàng hoá và con tàu, mà còn cho tính mạng chúng ta nữa.” Nhưng viên đại đội trưởng tin tài công và chủ tàu hơn tin lời ông Phaolô. Vì cảng không thích hợp cho tàu ở lại qua mùa đông, nên đa số có ý kiến lại ra khơi, để nếu có thể thì cập bến và qua mùa đông ở Phêních, một cảng khác trên đảo Corêta quay về hướng tây nam và tây bắc.

Một cơn gió nam thổi nhẹ, khiến họ tưởng rằng có thể thực hiện được ý định, nên nhổ neo và cho tàu đi men theo đảo Corêta. Nhưng chẳng bao lâu một trận cuồng phong, gọi là gió đông bắc, từ đảo thổi ra. Tàu bị cuốn đi, không thể chống chọi với gió, nên chúng tôi đành để cho trôi giạt. Khi chạy vòng phía sau một đảo nhỏ tên là Cauđa, chúng tôi vất vả lắm mới ghì chiếc xuồng lại được. Kéo nó lên rồi, họ dùng các phương tiện cấp cứu, lấy thùng

đánh đai con tàu. Rồi, vì sợ tàu bị mắc cạn trong vịnh Xiéc-ti, họ thả neo nổi và cứ để tàu trôi giạt. Chúng tôi vẫn bị bão dữ dội, nên hôm sau thủy thủ ném hàng hoá xuống biển, và hôm sau nữa họ tự tay quăng đồ trang bị của tàu đi. Đã từ nhiều ngày, chẳng thấy mặt trời hay một vì sao nào xuất hiện, còn bão vẫn thổi mạnh, nên chúng tôi mất dần hy vọng được cứu.

Từ lâu không ai ăn uống gì; bây giờ ông Phaolô đứng giữa họ mà nói: “Thưa các bạn, phải chi các bạn đã nghe tôi không rời đảo Corêta, thì đã tránh được những thiệt hại mất mát này. Nhưng giờ đây tôi khuyên các bạn cứ can đảm, vì không ai trong các bạn phải mất mạng đâu, chỉ mất tàu thôi. Thật vậy, đêm vừa rồi, một thiên sứ của Thiên Chúa là Chúa Tể của tôi và là Đấng tôi phụng thờ, đã hiện ra với tôi và bảo: “Này ông Phaolô, đừng sợ! Ông phải ra trước toà hoàng đế Xêda; vì thương ông, Thiên Chúa cho tất cả những người cùng đi tàu với ông được sống. Vì thế, thưa các bạn, hãy can đảm lên! Tôi tin tưởng nơi Thiên Chúa: sự việc sẽ xảy ra đúng như lời đã phán với tôi. Nhưng chúng ta sẽ phải mắc cạn ở một hòn đảo.”

Đến đêm thứ mười bốn, chúng tôi đang trôi giạt trên biển Átria, thì vào quãng nửa đêm, các thủy thủ có cảm giác như đang tới gần đất. Thả dây dò đáy biển, họ thấy sâu hai mươi sải; cách một quãng, họ lại thả dây dò lần nữa, thì thấy còn mười lăm sải. Sợ rằng tàu chúng tôi có thể đụng phải đá ngầm, họ thả bốn chiếc neo ở đằng lái và cầu mong cho trời mau sáng. Nhưng các thủy thủ tìm cách bỏ tàu mà trốn: họ hạ chiếc xuồng xuống biển, lấy cơ là để thả neo đằng mũi. Ông Phaolô mới bảo viên đại đội trưởng và binh sĩ: “Nếu những người này không ở lại trên tàu, thì các ông không thể được cứu đâu!” Lính bèn cắt đứt dây xuồng, cho nó trôi đi.

ĐẢO MALTE VÀ SICILE

Hai nơi cuối cùng thánh Phaolô đi qua trước khi về Rôma được sách Công vụ các tông đồ 27,1–28,16 ghi lại. Một phiêu lưu đích thật, qua đó thánh Phaolô như một tù nhân La Mã làm chuyến hành trình bằng đường biển với những chuyện xảy ra kỳ thú.

Đảo Malte

Đảo Malte thuộc địa thành Carthage từ năm 480 trước công nguyên, và người La Mã đánh chiếm vào năm 218 trước công nguyên. Sau đó, đảo rơi vào quyền hành Byzantine năm 533, người Ả rập năm 869, người Normands, và từ năm 1530 đến 1798 thành trung tâm của dòng tế bản thánh Gioan thành Giêrusalem. Năm 1964, đảo Malte được độc lập và gia nhập Cộng đồng Âu châu vào năm 2004.

Người dân nói tiếng Hy Lạp và tiếng La tinh. Quần đảo bao gồm đảo Malte, đảo Gozo và hai đảo nhỏ Comino và Cominotto. Lợi thế địa lý với những hải cảng thiên nhiên đưa quần đảo như trung tâm cho các thuyền bè ghé đến khi vượt Địa Trung hải. Kitô giáo có mặt trên đảo từ thời hoàng đế Constantin (306-337), nhưng các nhà khảo cổ còn thấy các ngôi mộ kitô hữu được chôn dưới lòng đất bằng đá cho biết Kitô giáo có thể đã hiện diện trên đảo từ thế kỷ thứ II.

Thánh Phaolô tại Malte

Trình thuật trong sách Công vụ tông đồ 27,1–28,16 mang phần lịch sử nhưng cũng có nhiều điểm huyền thoại. Thánh Phaolô không dự định dừng chân tại đảo Malte. Vào mùa thu năm 60, ngài xuống bến thuyền Césarée lấy một con thuyền chở hàng hóa

có bến đậu Adramythion (ngày nay Edremit bên Thổ Nhĩ kỳ), tới Sidon (xứ Liban). Sau đó ra biển cả đến thành Myre (ngày nay Demre, Thổ Nhĩ kỳ) và đi qua một chiếc thuyền đến từ thành Alexandria (Ai Cập). Thuyền đi dọc theo bờ biển và dừng chân tại xứ Crète, và sau đó tiếp tục đi đến hải cảng Phénix (ngày nay Phinica). Tại đây một cơn bão đẩy thuyền đi trong vòng “mười bốn đêm”, và cuối cùng họ bị trôi dạt vào một hòn đảo lớn mang tên Malte. Theo truyền thống nơi thuyền bị đắm nằm về phía tây cách thành La Valette khoảng 15km. Thánh nhân ở lại Malte suốt mùa đông năm 60, huấn dụ mọi người giữ niềm hy vọng. Ngài bị một con rắn độc cắn nhưng không chết vì thế được mọi người ngưỡng mộ. Thánh Phaolô chữa bệnh cho bố ông Publius, một bậc thân hào nhân sĩ thành Malte. Ông Publius liền tiếp nhận cả đoàn bị đắm tàu vào nhà ở. Họ ở đó suốt mùa đông, và thánh nhân tiếp tục chữa bệnh cho mọi người, và một số người đã nhận ơn trở lại. Vào mùa xuân 61, đoàn lên đường tiếp tục hành trình trên một chiếc thuyền khác với biển hiệu Dioscure để về thành Rôma.



Những nơi thăm viếng

- **Vịnh thánh Phaolô**: Mang tên Cala di San Paolo nằm 15km phía tây bắc thành La Valette. Theo truyền thống là nơi thuyền bị đắm. Ngày nay vịnh thánh Phaolô trở thành điểm du lịch nổi tiếng, nhưng nhìn quan cảnh cũng thấy được hiểm nguy khi thuyền đi qua nơi này với những tảng đá đầy nguy hiểm dựng đứng lên nơi biển. Một bức tượng thánh Phaolô được đặt nơi đảo nhỏ Gzeir.

- **Nhà thờ chánh tòa thánh Phêrô và thánh Phaolô**: nằm trong phố cổ và thường được gọi nhà thờ chánh tòa thánh Phaolô. Thánh đường xây cất nơi ông Publius (sau này làm Giám mục tiên khởi tại đảo Malte, và lên bậc hiển thánh) gặp thánh Phaolô và được ơn trở lại. Thánh đường được xây cất lại giữa năm 1697 và 1702 thay thế thánh đường cũ bị trận động đất phá hủy vào năm 1693. Bên trong còn giữ được bức họa “thánh Phaolô được ơn trở lại” của họa sĩ người Calabre tên Mattias Preti, và những bức tranh tường nơi hậu cung theo nghệ thuật “Normand” về chuyến hành trình của thánh Phaolô.

- **Hang động thánh Phaolô**: dưới hầm thánh đường thánh Phaolô tại thành Rabat, theo lối “baroque”, có một hang động với ba phần: Nơi phần 1 có một nguyện đường, một bàn thờ và một tượng thánh Phaolô đón khách hành hương; nơi phần 2 một nguyện đường kính thánh Luca. Tại sao thánh Luca? Vì theo họ, thánh nhân hẳn phải theo thánh Phaolô mới có thể viết kể lại chuyến đi này... Theo truyền thuyết, thánh Phaolô trốn quân lính La Mã trong hang động này ba tháng. Nếu khách hành hương cạo nơi phần đá ở trên, sẽ được chữa khỏi bệnh sốt, như thể gọi nhắc những phép lạ thánh Phaolô đã làm trên đảo.

- **Những hang tội đạo:** Trên đảo có nhiều “hang tội đạo”, hay đúng hơn những hang động người ta dùng vào việc chôn cất người qua đời. Khi ra khỏi thành Rabat, có hai hang thánh Phaolô và thánh Agathe được coi như đáng thăm viếng hơn hết. Trong đó có mười “triclinium”, những phòng ăn theo người La Mã với thể nằm. Theo một số nhà khảo cổ, những phòng ăn cũng được dùng cử hành “agapè”, bữa tiệc tôn giáo khi chôn cất người qua đời nơi ngôi mộ của họ. Giáo hội cấm thực hành vào khoảng giữa thế kỷ thứ IV. Người Kitô thực hành “agapè” theo kiểu này đến từ dân ngoại, họ lấy lại và kết hiệp vào việc cử hành thánh lễ ngày lễ giỗ người qua đời.

Tại Sainte Agathe, thấy có những bàn Agapè hình tròn, đục vào trong đá, và những hốc tường hình vỏ ốc trong vách có thể dùng làm bàn thờ cho thánh lễ. Những việc trên chứng giám Kitô giáo hiện diện rất sớm tại đảo Malte.

Thành Syracuse: trạm dừng chân trước khi đến nước Ý

Năm 732 trước công nguyên, một nhóm người từ thành Côrintô đến lập thành phố và đặt tên Ortygie. Đầu thế kỷ thứ V, ông Gélon thống trị Syracuse sau khi chiến thắng người thành Carthage năm 480. Ông em tên Hiéron tiếp tục thiết lập thành phố và kéo được nhiều thi sĩ, văn sĩ đến ở trong thành phố: Xénophon, Pindare, Epicharme và Eschyle. Sau khi ông Trasybule qua đời năm 466, thành phố có quyền dân chủ hoàn toàn. Năm 414, thành Syracuse chống lại người thành Athènes, và tướng Denis lên ngôi trở thành chuyên chế. Ông Hiéron II (265-215) phát triển thành phố, và có những nhà thông thái, với những văn nhân làm cố vấn như ông Théocrite và Archimède (nhà toán học và sáng tạo). Nhờ tài ông Archimède, quân La Mã bị đánh bại trong vòng ba năm, nhưng

cuối cùng họ cũng chiếm đóng vào năm 212. Thành Syracuse trở nên một hải cảng nổi danh, trạm dừng chân lý tưởng trên đường về thành Rôma.

Thánh Phaolô tại thành Syracuse

Thánh Phaolô ở lại đây ba ngày vào mùa xuân 61, trước khi lấy thuyền vào eo biển Messine và Puteoli. Dù thánh nhân chỉ ở một thời gian ngắn, nhưng cũng có những vết tích thành cổ thời thánh Phêrô ghé qua. Syracuse thủ đô tỉnh nghị viên của Sicile là một trong những thành phố thương mại Địa Trung hải. Ông Cicéron gọi “thành phố lớn nhất Hy Lạp, và thành phố đẹp nhất”. Một đền đài kính thần Jupiter, chỉ về phía biển hai hải cảng mang hàng hóa tới. Thánh Phaolô được coi như người đầu tiên đến rao giảng Tin mừng tại Syracuse.

Những vết tích Kitô giáo còn biết như: Giám mục Chrestus đại diện thành Syracuse tại công đồng thành Arles vào năm 314, chứng giám từ đầu thế kỷ IV đã có một cộng đoàn Kitô hữu được thành hình chặt chẽ.



Những nơi thăm viếng

- **Công viên khảo cổ thời cổ đại:** Vào thế kỷ thứ I công nguyên, thành Syracuse theo mẫu Hy Lạp và La Mã rất đẹp. Hí viện Hy Lạp rất lớn được đục nơi ngọn đồi đá trắng. Thánh Phaolô hẳn đã chiêm ngưỡng khi qua đó, và ngày nay còn vết tích trong công viên khảo cổ. Thánh nhân cũng có thể đi qua nghị trường, chợ, thấy sân vận động và giảng đường lớn được xây cất thời ông Auguste, và bàn thờ Hiéron II (thế kỷ thứ III trước công nguyên) nơi người ta hiến tế bò theo nghi thức dân ngoại...

- **Hang toại đạo thánh Gioan:** Nghĩa trang hàm rộng lớn và đồng thể chỉ xuất hiện vào thế kỷ thứ IV công nguyên, nhưng chứng giám Kitô giáo vào cuối thời Cổ đại. Giữa những bức tranh tường sơ khai còn thấy có một bức tranh rất xưa cổ mang hình thánh Phaolô. Lối vào từ nhà thờ thánh Gioan (thế kỷ XII) là nhà thờ chánh tòa đầu tiên của thành phố, được xây cất trên nơi truyền thống chôn ông Marcien (Marciano), được tôn kính như Giám mục tiên khởi đảo Sicile ở thế kỷ thứ II hoặc thứ III. Nhà thờ hầm thánh Marcien xây cất ở thế kỷ thứ IV.

- **Nhà thờ chánh tòa (Duomo):** Đền ngoại giáo ở thế kỷ thứ V trước công nguyên tôn kính Athéna chắc hẳn được thánh Phaolô biết đến. Sau đó đền được thay bằng thánh đường vào cuối thời cổ đại. Đến thế kỷ thứ VII trở nên đền thờ Hồi giáo và cuối cùng lại cho nghi thức Kitô giáo. Một bức tượng thánh Phaolô được đặt trước thánh đường vào năm 1746. Tác phẩm do điêu khắc gia theo trường phái “baroque”, người đảo Sicile, tên Ignazio Marabitti cho thánh Phaolô đang rao giảng. Bức tượng hài hòa với mặt tiền thánh đường và những bức tượng các thánh nhân khác, như nhắc nhở thánh Phaolô đã đến nơi đây.

BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Công vụ 27,9–28,10

Chúng tôi đã mất khá nhiều thời gian, và việc đi biển từ nay thật nguy hiểm, vì ngày ăn chay đã qua rồi. Ông Phaolô khuyên họ: “Thưa các bạn, tôi thấy rằng chuyến đi biển này sẽ gây nhiều thiệt hại và mất mát, chẳng những cho hàng hoá và con tàu, mà còn cho tính mạng chúng ta nữa.” Nhưng viên đại đội trưởng tin tài công và chủ tàu hơn tin lời ông Phaolô. Vì cảng không thích hợp cho tàu ở lại qua mùa đông, nên đa số có ý kiến lại ra khơi, để nếu có thể thì cập bến và qua mùa đông ở Phênicô, một cảng khác trên đảo Corêta quay về hướng tây nam và tây bắc. Một cơn gió nam thổi nhẹ, khiến họ tưởng rằng có thể thực hiện được ý định, nên nhỏ neo và cho tàu đi men theo đảo Corêta. Nhưng chẳng bao lâu một trận cuồng phong, gọi là gió đông bắc, từ đảo thổi ra. Tàu bị cuốn đi, không thể chống chọi với gió, nên chúng tôi đành để cho trôi giạt. Khi chạy vòng phía sau một đảo nhỏ tên là Cauda, chúng tôi vấp và lằm mỏi ghì chiếc xuống lại được. Kéo nó lên rồi, họ dùng các phương tiện cấp cứu, lấy thừng đánh đai con tàu. Rồi, vì sợ tàu bị mắc cạn trong vịnh Xiecti, họ thả neo nổi và cứ để tàu trôi giạt. Chúng tôi vẫn bị bão dữ dội, nên hôm sau thủy thủ ném hàng hoá xuống biển, và hôm sau nữa họ tự tay quăng đồ trang bị của tàu đi. Đã từ nhiều ngày, chẳng thấy mặt trời hay một vì sao nào xuất hiện, còn bão vẫn thổi mạnh, nên chúng tôi mất dần hy vọng được cứu. Từ lâu không ai ăn uống gì; bây giờ ông Phaolô đứng giữa họ mà nói: “Thưa các bạn, phải chi các bạn đã nghe tôi không rời đảo Corêta, thì đã tránh được những thiệt hại mất mát này. Nhưng giờ đây tôi khuyên các bạn cứ can đảm, vì không ai trong các bạn phải mất mạng đâu, chỉ mất tàu thôi. Thật vậy, đêm vừa rồi, một

thiên sứ của Thiên Chúa là Chúa Tể của tôi và là Đấng tôi phụng thờ, đã hiện ra với tôi và bảo: “Này ông Phaolô, đừng sợ! Ông phải ra trước toà hoàng đế Xêda; vì thương ông, Thiên Chúa cho tất cả những người cùng đi tàu với ông được sống. Vì thế, thưa các bạn, hãy can đảm lên! Tôi tin tưởng nơi Thiên Chúa: sự việc sẽ xảy ra đúng như lời đã phán với tôi. Nhưng chúng ta sẽ phải mắc cạn ở một hòn đảo.” Đến đêm thứ mười bốn, chúng tôi đang trôi giạt trên biển Átria, thì vào quãng nửa đêm, các thủy thủ có cảm giác như đang tới gần đất. Thả dây dò đáy biển, họ thấy sâu hai mươi sải; cách một quãng, họ lại thả dây dò lần nữa, thì thấy còn mười lăm sải. Sợ rằng tàu chúng tôi có thể đụng phải đá ngầm, họ thả bốn chiếc neo ở đằng lái và cầu mong cho trời mau sáng. Nhưng các thủy thủ tìm cách bỏ tàu mà trốn: họ hạ chiếc xuống xuống biển, lấy có là để thả neo đằng mũi. Ông Phaolô mới bảo viên đại đội trưởng và binh sĩ: “Nếu những người này không ở lại trên tàu, thì các ông không thể được cứu đâu!” Linh bèn cắt đứt dây xuống, cho nó trôi đi. Trong khi đợi trời sáng, ông Phaolô khuyên mọi người nên ăn uống; ông nói: “Cho đến hôm nay là mười bốn ngày, các bạn nhịn đói chờ đợi, không ăn gì cả. Vậy tôi khuyên các bạn nên ăn uống, vì có thể các bạn mới được cứu. Không ai trong các bạn sẽ mất một sợi tóc trên đầu.” Nói thế rồi, ông cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn Thiên Chúa trước mặt mọi người, bẻ ra và bắt đầu ăn. Mọi người lấy lại được can đảm và họ cũng ăn uống. Chúng tôi ở trên tàu tất cả là hai trăm bảy mươi sáu người. Sau khi ăn no, họ đổ lúa mì xuống biển cho tàu nhẹ bớt. Đến sáng, họ không nhận ra được đó là đất nào, nhưng thấy rõ một vùng có bãi cát, và tính chuyện cho tàu chạy vào, nếu có thể. Họ mới gỡ các neo, bỏ lại dưới biển, đồng thời tháo những thùng cột bánh lái ra; rồi căng buồm đằng mũi lên cho gió thổi, hướng thẳng vào bãi. Nhưng họ

đụng phải bãi cát ngầm, nên cho tàu mắc cạn ở đó. Mũi tàu đâm vào cát, không nhúc nhích được, còn đằng lái thì bị sóng mạnh đánh vỡ tan. Bảy giờ binh sĩ nẩy ra ý muốn giết các người tù, vì sợ có người bơi được mà trốn mất. Nhưng viên đại đội trưởng muốn cứu ông Phaolô nên ngăn cản họ thực hiện ý định. Ông ra lệnh cho những ai biết bơi thì nhảy xuống trước bơi vào bờ; còn những người khác thì bám vào ván hoặc mảnh tàu vỡ mà vào. Thế là mọi người vào được bờ và được cứu.

Được cứu rồi, chúng tôi mới biết đảo ấy gọi là Manta. Dân địa phương đối xử với chúng tôi một cách nhân đạo hiếm có. Họ đốt một đống lửa to và tiếp đón tất cả chúng tôi, vì trời đã bắt đầu mưa và lạnh. Ông Phaolô vợ được một mớ cành khô và đang bỏ vào lửa, thì một con rắn độc bị nóng bò ra, cuốn vào tay ông. Người địa phương thấy con vật lủng lẳng ở tay ông thì bảo nhau: “Chắc chắn người này là một tên sát nhân: hắn vừa được cứu khỏi chết dưới biển, nhưng Thần Công Lý đã không để cho sống.” Nhưng ông giữ con vật vào lửa mà không hề hấn gì. Họ cứ đợi ông sẽ sưng phù lên hoặc lăn ra chết; nhưng đợi lâu mà không thấy có gì khác thường xảy đến cho ông, thì đổi ý và bảo ông là một vị thần.

Gần nơi ấy, có đồn điền của viên quan lớn nhất đảo, tên là Púpliô. Ông tiếp đón chúng tôi và niềm nở cho chúng tôi trú ngụ trong ba ngày. Có ông thân sinh ông Púpliô đang liệt giường vì bị sốt và kiệt lực. Ông Phaolô vào thăm, cầu nguyện, đặt tay trên ông và chữa khỏi. Thấy thế, các bệnh nhân khác trên đảo cũng đến với ông và được chữa lành. Họ trọng đãi chúng tôi, và khi chúng tôi xuống tàu, họ đã đem tới những gì chúng tôi cần dùng.

NƯỚC Ý

Nhiều tác giả cho nước Ý như nơi sứ vụ cuối cùng của thánh Phaolô. Thành Rôma trở nên kinh thành đế quốc La Mã. Nhìn theo viễn ảnh chính trị, có thể Tin mừng của một tôn giáo mới cũng cần hiện diện nơi đây để tỏa sáng ra khắp đế quốc. Thánh Phaolô viết lá thư gửi giáo đoàn Rôma vào năm 54 mang ý muốn được đến đó... trên đường đi tới Tây Ban Nha. Lịch sử cho thấy Giáo hội đã đi vào dòng chảy đế quốc trở thành Kitô giáo. Và truyền thống đều xác định hai thánh Phêrô và Phaolô chịu tử đạo tại thành Rôma trong những năm 60 đến 67 công nguyên. Nhưng người ta không chắc chắn có một phụng tự dành cho các vị tử đạo bắt đầu với hai cái chết của thánh Phêrô và thánh Phaolô không? Cuối thế kỷ I công nguyên, hai thành Giêrusalem và thành Antiôchia vẫn còn như những nơi suy tư chính và xây dựng giáo thuyết Kitô giáo thời sơ khai.

Theo dọc đường “Via Appia”

Bán đảo Ý mở mang với hệ thống đường xá tốt và hàng hóa được di chuyển dễ dàng từ các hải cảng về thành Rôma. Dọc theo các con đường, có những đất đai trồng trái cây và hoa màu, ngũ cốc, chăn nuôi. Nhiều thị trấn đánh dấu đường đi và những hãng xưởng về gốm, sắt... Gần tới thành Rôma, con đường “Via Appia” đi qua vùng đầm lầy Pontins, nơi người ta muốn đào đặt những ống dẫn nước, nhưng nơi này bần thiêu và có rất nhiều muỗi gây bệnh.

Thánh Phaolô tại nước Ý

Kinh thành Rôma có khoảng 1 triệu dân cư khi thánh Phaolô đến vào mùa xuân 61. Thánh nhân đi từ thành Syracuse, vượt eo biển Messine, đến Rhegion (Rhegium, ngày nay Reggio di

calabria), rồi đến Pouzzoles. Từ đây, đoàn người lấy con đường “Via Appia” để về thành Rôma.

Theo thánh Luca các Kitô hữu thành Rôma ra đón thánh Phaolô khi ngài đến nơi đó, nhưng nhiều tác giả cho điều khó thực hiện vì bấy giờ thánh Phaolô là một tù nhân. Dầu sao qua lá thư gửi Rôma được biết đã có một cộng đoàn Kitô hữu tại Rôma khi thánh nhân đến. Khi đi tới thành Rôma, thánh Phaolô phải đi qua Trois-Tavernes, và nghị trường Appius.

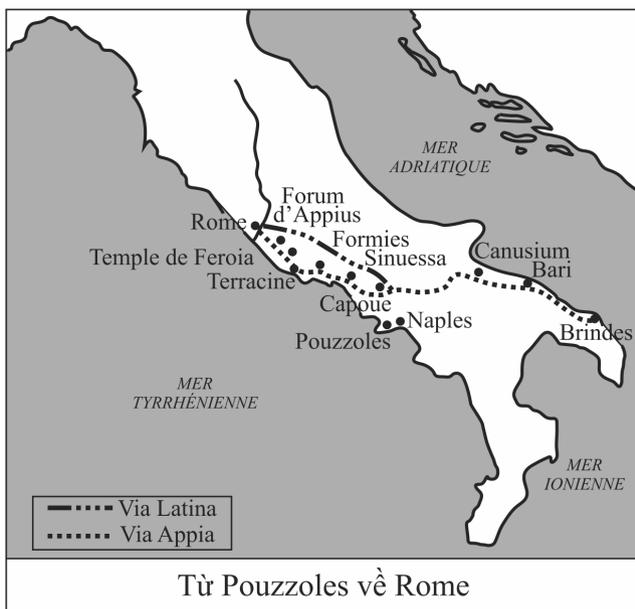
Những nơi thăm viếng

- **Via Appia:** Con đường chính của người La Mã được biết đến từ thế kỷ thứ IV trước công nguyên. Ông Appius Claudius Caesus xây cất con đường rộng 4m để xe ngựa có thể chạy qua lại, và được lát đá nối liền thành Rôma với thành Capoue. Sau này được nối tiếp đến Brindisi. Con đường còn nhiều đoạn rất tốt, và thấy được lớp đá lót Basan khi vừa ra khỏi thành Rôma nơi phía cửa thánh Sebastino. Một công viên bảo vệ một phần vết tích Via Appia. Theo truyền thống, các nghĩa trang được đặt ngoài thành Rôma, dọc theo những con đường, và có một số ngôi mộ nằm sát cạnh Via Appia. Khi đến thành Rôma, thánh Phaolô đi qua chôn đó, nơi có mộ Caecilia Metella, con dâu ông Crassus (phần tử Tam đầu chế với ông César và Pompée vào cuối thế kỷ thứ I trước công nguyên).

- **Pouzzole:** nằm nơi vịnh thành Naples. Hải cảng còn mang tên Puteoli thời thánh Phaolô như đầu cầu cho các thuyền bè nối liền nước Ý với Ai Cập và Đông phương. Những nhà kho khổng lồ bảo đảm giao thương hàng hóa. Ngày nay, phần lớn thành phố cổ đã chìm dưới biển. Bờ biển cũng thay đổi vì những cuộc động đất. Thời thánh Phaolô giờ chỉ còn vết tích một nghị trường, một đền dâng kính Auguste.

- **Nghị trường Appius**: ngày nay mang tên Borgo Faiti, một thị trấn nằm 65km phía nam thành Rôma. Tên gọi đến từ ngôi chợ và nơi gặp gỡ giữa những nông dân khắp vùng lân cận. Nghị trường Appius nằm bên cạnh đầm lầy Pontins, dọc con kênh có những chiếc bè cho khách đi trên nước không muốn đi bộ đến Terracine ở phía nam. Ngày nay, ngôi làng còn con kênh, nhưng không mang vết tích thời cổ đại. Tại thị trấn kế bên “Tor Tre Ponti”, một thánh đường kính thánh Phaolô được xây cất từ thế kỷ thứ XVI tưởng nhớ thánh nhân đã đi qua đó.

- **Trois Tavernes**: cách thành Rôma 58km, dưới chân núi Albains, và 5km phía đông nam làng Cisterna di Latina nơi có một nguyện đường kính thánh Phaolô. Ngày nay nằm giữa những cánh đồng, và khảo cổ đã tìm thấy những vết tích cổ đại như nơi chôn những bồn tắm nước khoáng đến từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ X công nguyên. Khám phá cho biết Trois Tavernes không chỉ trạm dừng chân nghỉ ngơi, nhưng một ngã tư đường quan trọng của trục “Via Appia” với ba con đường khác.



Thành Rôma: nơi mọi sự kết thúc và mọi sự bắt đầu

Thành Rôma kinh thành đế quốc. Theo truyền thuyết Rôma được hai ông Romus và Romulus xây dựng ngày 21/4/753. Tên thành Rôma xuất hiện vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên. Sau khi người xứ Gaule trị vì năm 390, thành Rôma bắt đầu chinh phục Địa Trung hải và những nước lân cận. Những cuộc chiến chống lại thành Carthage ba lần (263-241; 218-202; 149-146) tưởng chừng làm cho Rôma tàn lụi. Rôma tiếp tục mở mang về phía miền Makêđônia, Hy Lạp, Phi châu, xứ Gaule và Anatolie như một tỉnh thuộc Á châu.

Năm 27 trước công nguyên, ông Octave, cháu ông César lấy tên Auguste. Ông canh tân những giá trị La Mã, tôn giáo, xã hội, gia đình, quân đội, và củng cố biên cương. Khi ông qua đời vào năm 14 công nguyên, đế quốc vững bền và kéo dài ra đến các nước Địa Trung hải và được sống dưới “Pax romana = hòa bình Rôma”. Địa Trung hải trở nên “Mare nostrum = biển của chúng ta” hay biển của người La Mã. Những người kế nhiệm Auguste đều là bạo chúa và chuyên chế: Caligula, Néron, Domitien; có những nhà hành chánh và những viên tướng chín chắn như Tibère, Vespasien, Titus, hay như triết gia Marc Aurèle. Tất cả đều muốn làm cho thành Rôma hùng mạnh. Thế kỷ dòng tộc Antonins (96-192) và dòng tộc Sévère kế nhiệm (192-235) làm cho đế quốc và thành Rôma cực thịnh. Từ năm 235-476 thuộc thời đại phần cuối đế quốc.

Những công trình xây cất tại Rôma rất nhiều: nghị trường César, Auguste, Trajan, những vòm Vespasien, Titus, Constantin, đền đài Vestale, Vénus, thần miếu (Panthéon), “circus maximus”: một trường đua dùng cho những cuộc diễu hành, những trò thể

thao được trang hoàng lộng lẫy, đấu trường làm bằng cây được thay thế với Colisée sau cuộc hỏa hoạn năm 64, những cầu máng, những nhà tắm công cộng Caligula, Néron, hí viện Marcellus, thành lũy Aurélien...

Trong vùng ngoại ô, giới quý tộc có nhiều khu vườn trồng rau sản xuất hoa quả cần thiết cho các chợ trong thành phố. Những ngôi nhà đẹp đều ở ngoại ô. Nơi những giao lộ, góc đường hay quảng trường có những đền nhỏ, những bức tượng các thần Hy Lạp và La Mã. Những chỗ này lôi kéo người ta đặt một vật nhỏ như của lễ. Ngoài ra còn có những nơi riêng tư hơn với các đồ đệ thờ thần Cybèle, Isis hay Mithra. Những vị thần đến từ Đông phương và được người Rôma bắt đầu thờ kính. Điều không ngăn cấm họ tham dự những lễ đế quốc tại nghị trường và làm những bàn thờ tại gia tôn kính các thần gia đình.

Năm 476, ông Odoacre truất phế hoàng đế cuối cùng tên Romulus Augustule, và thành Rôma trở nên một thành phố bình thường trong đế quốc Byzantine. Vua Charlemagne vào năm 800, cho thành Rôma một chiều kích mới khi đặt quyền hành các Đức Giáo hoàng tại Rôma. Vào thế kỷ thứ XI, khi có cuộc ly giáo tây phương (1378-1417), tòa thẩm tra (chính thức bãi bỏ vào thế kỷ thứ XVIII), là những giai đoạn tăm tối cho Kitô giáo tại kinh thành Rôma. Vấn đề Rôma lại một lần nữa được nêu lên vào năm 1848, và được giải quyết ngày 11/2/1929 với hiệp ước Latran khai sinh ra nước Vatican (44 cây số vuông). Ngày nay, thành Rôma trở nên thủ đô nước Ý và thế giới Kitô giáo từ năm 1870, vẫn tiếp tục phát triển về chính trị, văn hóa và tôn giáo.

Thánh Phaolô ở lại Rôma hai năm tròn như tù nhân. Sau đó, ngài có dịp trở lại và bị chặt đầu vào năm 67 (hoặc 64) trên đường

Ostiensis. Cộng đoàn Kiô hữu tại Rôma phát triển dần dà trong mọi tầng lớp xã hội. Họ bị bách hại dữ dội dưới triều đại ông Néron, Marc Aurèle, Dèce và Dioclétien.

Những nơi thăm viếng

- **Nhà thánh Phaolô (Casa di san Paolo alla Regola):** Người ta cho phép thánh Phaolô ở trong một ngôi nhà rộng với một người lính canh gác, và có một người nô lệ tên Onésime giúp việc (Plm 8-19). Theo một truyền thống đến từ thế kỷ thứ II, ngôi nhà được thuê gần khúc uốn con sông Tibre mạn phía bên trái, gần đảo Tibérine. Một vùng đông dân cư với nhiều cư dân Do Thái. Khảo cổ nhận diện nhóm cư dân làm nghề da thuộc.

“Via san Paolo alla Regola” một tổng hợp những ngôi nhà gốc từ thế kỷ XIII, với những gạch đá thời cổ đại, làm trên bốn tầng (2 tầng dưới hầm) những căn phòng cổ đại coi như nơi thánh Phaolô trú ngụ. Vì những phòng rộng rãi nên thánh Phaolô có thể qui tụ cộng đoàn Kitô hữu tại Rôma lại. Thật ra đúng hơn là những nhà kho cất hàng và nhà ở thoải mái đến từ thời hoàng đế Domitien (51-96) được khám phá ra. Đồng hóa với thánh Phaolô vì trên cùng con đường, nhà thờ San Paolo alla Regola xây cất nơi truyền thống cho thánh nhân đã ở đó và đã viết những lá thư gửi các giáo đoàn Philipphê, Êphêxô và Côlôxê. Khách hành hương theo vết chân thánh Phaolô thường coi như nơi dừng chân quan trọng.

- **Tu viện Trois Fontaines (Abbazia delle tre fontane):** Xây cất vào thế kỷ thứ VI phía nam thành Rôma. Theo truyền thống, khi thánh Phaolô bị chặt đầu, chiếc đầu đã nảy đến ba nơi. Từ đó người ta xây cất ba ngôi thánh đường và một tu viện trong một rừng cây khuyन्ह diệp. Ngày nay vẫn còn ở phía nam thành

phổ. Thời cổ đại, nơi này được gọi “ad aqua Salvias= nơi giếng nước thánh thiêng” nằm khoảng 5km ngoài thành Rôma. Thánh đường San Paolo delle tre fontane được tân trang vào thế kỷ thứ XVI, nhưng những dấu vết thời kỳ xây cất đầu đến từ thế kỷ thứ V còn thấy được gần “via Laurentina” để tưởng nhớ thánh Phaolô. Bên trong, có ba bàn thờ bằng đá hoa cương gọi lại “những giếng nước” (ngày nay khô nước) bao bọc một cột theo truyền thống nơi thánh nhân bị trời vào trong đó.

- **Thánh Phaolô ngoại thành:** Trên đường “Via Ostiense” có một vương cung thánh đường xây cất vào khoảng giữa thế kỷ thứ XIX. Theo truyền thống chính tại nơi này có mộ phần thánh Phaolô. Xác ngài được bà Lucina đưa về sau khi thánh Phaolô bị chặt đầu tại Trois Fontaines. Thực tế đúng hơn thánh nhân bị chặt đầu và được chôn vào cùng một nơi trên đoạn đường này. Một văn bản của linh mục Gaius hồi cuối thế kỷ thứ II đã nói đến một đền chôn cất nhỏ dâng kính thánh Phaolô tại “Via ostiense”. Nhưng người ta không biết rõ đền mang hình dáng nào: Một Thánh Giá? Một nhà nguyện nhỏ? Rất có thể một tấm bia.

Từ năm 324, hoàng đế Constantin cho xây cất một vương cung thánh đường nhỏ nơi đây và quách của thánh Phaolô được đặt vào chính giữa hậu cung thánh đường. Năm 384, hoàng đế Théodose sửa thánh đường rộng lớn hơn bằng cách xoay chiều hướng, vì không còn đất nơi mạn phía đông. Và ngôi mộ được nằm ngay giữa cánh ngang thánh đường. Nhưng từ thế kỷ thứ VIII, quách được cất giấu dưới nhà thờ hầm, được làm đẹp và sửa chữa lớn hơn nhiều lần. Thánh đường bị cháy vào năm 1823, và được xây cất lại. Đến năm 2006, khách hành hương phải đi xuống trước mặt một bàn thờ che chắn ngôi mộ. Chỉ có một phần nhỏ

tấm lát gom nhiều mảnh đá hoa cương được thấy sau tấm lưới và đọc được hàng chữ ghi vào đá hoa cương: “Paulo Apostolo mart [yti]”. Tấm biển ghi đến từ triều đại Théodose. Ba lỗ - một tròn và hai vuông - đục vào tấm lát mang tên “Paulo” để có thể đưa hương và tấm vải vào chạm thân xác. Một thực hành rất cổ và sống động trong Giáo hội. Những tấm vải đảm đương sức mạnh thiêng liêng khi được chạm với đấng tử đạo, và trở thành di tích thánh cho khách hành hương. Người ta còn tìm lại được dấu nắp bằng kim loại để đóng lỗ tròn.

Khảo cổ học đã khám phá ra toàn bộ quách bằng đá hoa cương trắng không có trang hoàng. Dài 2,55m, rộng 1,25m và cao gần 1m. Khách hành hương có thể thấy được một phía, sau tấm kính. Khách hành hương cũng thấy được cấu trúc hai thánh đường đầu tiên được tái tạo lại. Những phân tích khoa học do Vatican đòi hỏi cho năm thánh Phaolô 2009 cho biết xác chết một người sống giữa thế kỷ thứ I và thế kỷ thứ II. Ông mang áo vải lin thứ đắt tiền nhuộm phẩm tía, và những sợi chỉ vàng và màu xanh. Những hạt hương cũng tìm thấy trong đợt phân tích này.



BÀI ĐỌC TẠI CHỖ

Thư gửi giáo đoàn Rôma 5,1-11

Vậy, một khi đã được nên công chính nhờ đức tin, chúng ta được bình an với Thiên Chúa, nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Vì chúng ta tin, nên Đức Giêsu đã mở lối cho chúng ta vào hưởng ân sủng của Thiên Chúa, như chúng ta đang được hiện nay; chúng ta lại còn tự hào về niềm hy vọng được hưởng vinh quang của Thiên Chúa. Nhưng không phải chỉ có thế; chúng ta còn tự hào khi gặp gian truân, vì biết rằng: ai gặp gian truân thì quen chịu đựng; ai quen chịu đựng, thì được kẻ là người trung kiên; ai được công nhận là trung kiên, thì có quyền trông cậy. Trông cậy như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta. Quả vậy, khi chúng ta không có sức làm được gì vì còn là hạng người vô đạo, thì theo đúng kỳ hạn, Đức Kitô đã chết vì chúng ta. Hầu như không ai chết vì người công chính, họa may có ai dám chết vì một người lương thiện chăng. Thế mà Đức Kitô đã chết vì chúng ta, ngay khi chúng ta còn là những người tội lỗi; đó là bằng chứng Thiên Chúa yêu thương chúng ta. Phương chi bây giờ chúng ta đã được nên công chính nhờ máu Đức Kitô đổ ra, hẳn chúng ta sẽ được Người cứu khỏi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa. Thật vậy, nếu ngay khi chúng ta còn thù nghịch với Thiên Chúa, Thiên Chúa đã để cho Con của Người phải chết mà cho chúng ta được hoà giải với Người, phương chi bây giờ chúng ta đã được hoà giải rồi, hẳn chúng ta sẽ được cứu nhờ sự sống của Người Con ấy. Nhưng không phải chỉ có thế, chúng ta còn có Thiên Chúa là niềm tự hào, nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng nay đã hoà giải chúng ta với Thiên Chúa.

Thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô 5,1-10

Quả thật, chúng ta biết rằng: nếu ngôi nhà của chúng ta ở dưới đất, là chiếc lều này, bị phá huỷ đi, thì chúng ta có một nơi ở do Thiên Chúa dựng lên, một ngôi nhà vĩnh cửu ở trên trời, không do tay người thể làm ra. Do đó, chúng ta rên siết là vì những ước mong được thấy ngôi nhà thiên quốc của chúng ta phủ lên chiếc lều kia, miễn là chúng ta có mặc áo, chứ không phải trần trụi. Thật thế, bao lâu còn ở trong chiếc lều này, chúng ta rên siết, khổ tâm vì không muốn cởi bỏ cái này, nhưng lại muốn trùm thêm lên mình cái kia, để cho cái phải chết tiêu tan trong sự sống. Đáng đã tạo thành chúng ta vì mục đích ấy chính là Thiên Chúa, Người đã ban Thần Khí cho chúng ta làm bảo chứng.

Vậy chúng tôi luôn mạnh dạn, và chúng tôi biết rằng: ở lại trong thân xác này là lưu lạc xa Chúa, vì chúng ta tiến bước nhờ lòng tin chứ không phải nhờ được thấy Chúa... Vậy, chúng tôi luôn mạnh dạn, và điều chúng tôi thích hơn, đó là lìa bỏ thân xác để được ở bên Chúa. Nhưng, dù còn ở trong thân xác hoặc đã lìa bỏ thân xác, chúng tôi chỉ có một tham vọng là làm đẹp lòng Người. Vì tất cả chúng ta đều phải được đưa ra ánh sáng, trước toà Đức Kitô, để mỗi người lãnh nhận những gì tương xứng với các việc tốt hay xấu đã làm, khi còn ở trong thân xác.